

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 346, NĂM THỨ 28

THÁNG 5-2023



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhận Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TỈNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Con đường hoàng pháp</u>	BBT	3
<u>Tìm hiểu về ý nghĩa của Lễ Phật Đản</u>	Theo Wikipedia	4
<u>Thiền đình một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	9
<u>Pháp Cú: 396 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	11
<u>Đôi nét về Đạo Phật và Giáo Hội PGVN</u>	BTGCP	12
<u>Thơ : Đôi mắt Tuệ Sỹ</u>	Tâm Nhiên	20
<u>Cái chết chỉ là ảo ảnh ?</u>	Chris Ford Ph. Phái - X. Hoàng	21
<u>Hư Hư Lục: Chiếc lu vô tân</u>	Thích Nữ Như Thủy	24
<u>Phật Giáo Hoa Kỳ</u>	Thích Nữ Thông Tiên	25
<u>Thơ: Ráng Mai, Ráng Chiều</u>	Phổ Đồng	31

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Con đường Hoằng Pháp

Từ lâu, chúng tôi nghĩ rằng công cuộc hoằng pháp của Phật Giáo Việt Nam không phải chỉ trong việc Phật tử đến Chùa lễ Phật trong những ngày lễ Phật giáo hoặc ngày Rằm, Mông Mốt. Dự những buổi thuyết pháp của chư Tăng, Ni theo định kỳ như ngày Chủ nhật do Công nhân viên các công tư sở được nghỉ làm, có thì giờ đi chùa chiền.

Có những nơi năng động hơn, chùa tổ chức cho Phật tử thọ Bát Quan Trai trong một ngày một đêm hàng tháng hoặc nửa tháng hoặc mỗi tuần.

Chúng tôi nhớ từ năm 1986, tại Quan Âm Tu Viện thuộc Phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa cứ 2 tuần tổ chức Bát Quan Trai một kỳ, tiếp tục cho đến ngày hôm nay đã hơn 30 năm rồi, có nhiều người thọ Bát Quan Trai suốt cuộc đời, có một số người về sau xuất gia, đến nay đã thọ Tỷ Kheo hoặc Tỷ Kheo Ni.

Mặc dù những năm đó thời buổi khó khăn mà luôn luôn có vài chục người đến trăm người tham dự, gồm những người ở Biên Hòa, ở Sài Gòn, ở Long An không ngại khó khăn đến dự. Do những người ấy có tín tâm.

Nhưng chúng tôi nghĩ còn một vùng rộng lớn ở Việt Nam cần được gieo mầm Phật pháp đó là vùng sâu, vùng xa của đất nước, những nơi có sắc tộc khác với người kinh. Vấn đề khó khăn gặp phải là chúng ta không có địa điểm. Đó là một ngôi chùa che mưa che nắng cho người đến dự.

Cái khó khăn tiếp theo là phải có tài chánh để trang trải những chi phí sinh hoạt hàng ngày. Nhưng cái khó khăn nhất là vấn đề ngôn ngữ, nếu chúng ta không thể giao tiếp với người khác bằng ngôn ngữ của họ thì sẽ không thể làm chi được hết. Hiện nay nhà nước đang phổ cập việc học tiếng phổ thông cho các dân tộc thiểu số, nên dần dần việc giao tiếp bằng tiếng phổ thông sẽ dễ dàng và cũng từ đó việc truyền bá sẽ dễ dàng hơn.

Ở vùng Tây nguyên có nhiều sắc dân, chẳng hạn như ở Banmêthuột có sắc dân Rhadé là đông nhất, ở vùng Tây Bắc như Hà Giang, Lai Châu, có sắc dân H'mông là đông hơn những sắc dân khác, trước nhất chúng ta cần gieo mầm Phật Pháp vào những sắc dân đông dân, để có kết quả khả quan.

Cũng cần lưu ý đến các tạp tục cổ hủ của mỗi sắc dân để tránh sự chống đối về sự mê tín của họ. Con đường Hoằng pháp như thế hình như chưa được quan tâm.

BBT/NS/PHẬT HỌC

TÌM HIỂU VỀ Ý NGHĨA CỦA ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Phật Đản (chữ Nho 佛誕 - nghĩa là *ngày sinh của đức Phật*) hay là **Vesak** (tiếng Phạn: Vaiśākha, Devanagari: वैशाख, Sinhala: ඉච්චන්ද්‍ර ඉන්ද්‍රජය) là ngày kỷ niệm Phật Tất-đạt-đa Cồ-đàm sinh ra tại vườn Lâm-tì-ni năm 624 TCN, diễn ra vào ngày **8 tháng 4 âm lịch** hoặc **15 tháng 4** hàng năm, tùy theo quốc gia.

Theo truyền thống Phật giáo Bắc tông và ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa, ngày này chỉ là ngày kỷ niệm ngày sinh của đức Phật Thích Ca; tuy nhiên, theo Phật giáo Nam truyền và Phật giáo Tây Tạng thì ngày này là ngày **Tam hiệp** (kỷ niệm Phật đản, Phật thành đạo và Phật nhập Niết-bàn). Ngày Phật Đản hay là lễ **Vesak**, **Tam Hiệp** được kỷ niệm vào các ngày khác nhau tùy theo quốc gia.

Một số quốc gia với đa số Phật tử chịu ảnh hưởng Bắc tông (như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam) thường tổ chức ngày lễ Phật đản vào ngày mùng **8 tháng 4 âm lịch**. Các quốc gia theo Nam tông thường tổ chức vào **ngày trăng tròn trong tháng 4 âm lịch** hay là ngày trăng tròn trong tháng 5 dương lịch. Có những năm có 2 ngày trăng tròn trong tháng 5 dương lịch như năm 2007, có nơi tổ chức ngày Vesak vào ngày trăng tròn đầu tiên (ngày 1 tháng 5) trong khi tại nơi khác lại kỷ niệm vào ngày trăng tròn thứ 2 (ngày 31 tháng 5).^[1] Cách tính kỷ nguyên Phật lịch tại các quốc gia theo truyền thống Nam tông cũng khác nhau, nên năm Phật lịch có thể cách nhau một năm.

Phật Đản là ngày lễ trọng đại được tổ chức hằng năm bởi cả hai truyền thống Nam tông và Bắc tông.

Tại Ấn Độ, Bangladesh, Nepal và các nước láng giềng Đông Nam Á theo Phật giáo Nguyên thủy, lễ Phật đản được tổ chức vào ngày trăng tròn trong tháng Vaisakha của lịch Phật giáo và lịch Hindu, mà thường rơi vào tháng 4 hoặc tháng 5 của lịch Gregoria phương Tây. Lễ hội được gọi là *Visakah Puja* (lễ hội Visakah) hay là *Buddha Purnima*, *Phật Purnima* (बुद्ध पूणिमा), *Purnima* nghĩa là ngày trăng tròn trong tiếng Phạn hay là *Buddha Jayanti*, *Phật Jayanti*, với *Jayanti* có nghĩa là sinh nhật ở Nepal và Tiếng Hindi. Thái Lan gọi là *Visakha Bucha*; Indonesia gọi là *Waisak*; Tây Tạng gọi là *Saga Daw*; Lào gọi là *Vixakha Bouxa* và Myanmar (Miền Điện) gọi là *Ka-sone-la-pyae* (nghĩa là *Ngày rằm tháng Kasone*, cũng là tháng thứ hai trong lịch Myanmar).

Tại Đại hội Phật giáo Thế giới lần đầu tiên diễn ra tại Colombo, Sri Lanka, từ ngày 25 tháng 5 đến ngày 8 tháng 6 năm 1950, các phái đoàn đến từ 26 quốc gia là thành viên đã thống nhất ngày Phật đản quốc tế là **ngày rằm tháng Tư âm lịch**.^[2]

Ngày 15 tháng 12 năm 1999, theo đề nghị của 34 quốc gia, để tôn vinh giá trị đạo đức, văn hóa, tư tưởng hòa bình, đoàn kết hữu nghị của Đức Phật, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc tại phiên họp thứ 54, mục 174 của chương trình nghị sự đã chính thức công nhận Đại lễ Vesak là một lễ hội văn hóa, tôn

giáo quốc tế của Liên Hợp Quốc,^[3] những hoạt động kỷ niệm sẽ được diễn ra hàng năm tại trụ sở và các trung tâm của Liên Hợp Quốc trên thế giới từ năm 2000 trở đi, được tổ chức vào **ngày trăng tròn đầu tiên của tháng 5 dương lịch**.

Phật Đản là ngày nghỉ lễ quốc gia tại nhiều quốc gia châu Á như Bhutan, Thái Lan,

Nepal, Sri Lanka, Malaysia, Miến Điện, Mông Cổ, Singapore, Indonesia, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Campuchia, Lào... Tại Việt Nam, ngày này không phải là ngày nghỉ lễ được công nhận chính thức.

Vào ngày lễ, Phật tử thường vinh danh Tam bảo: *Phật, Pháp, Tăng* (qua các hình thức như dâng cúng, tặng hoa, đến nghe thuyết giảng), và thực hành ăn chay và giữ Ngũ giới, Tứ vô lượng tâm (từ bi hỷ xả), thực hành bố thí và làm việc từ thiện, tặng quà, tiền cho những người yếu kém trong cộng đồng. Kỷ niệm Vesākha cũng có nghĩa là làm những nỗ lực đặc biệt để mang lại hạnh phúc, niềm vui cho những người bất hạnh như người già cao niên, người khuyết tật và người bệnh, chia sẻ niềm vui và hòa bình với mọi người.^[4]

Ở một số quốc gia, đặc biệt là Sri Lanka, hai ngày được dành cho việc cử hành Vesākha, việc bán rượu và thịt thường bị cấm và tất cả các cửa hàng rượu, bia và lò giết mổ phải đóng cửa do nghị định của chính phủ. Chim, côn trùng và thú vật được phóng sinh như là một *"hành động mang tính biểu tượng của sự giải thoát"*, của sự trả tự do cho những người bị giam cầm, bị bỏ tù, bị tra tấn trái với ý muốn của họ.^{[4][5]} Tại Ấn Độ, Nepal, người dân thường mặc áo trắng khi lên các tịnh xá và ăn chay. Tại hầu hết các quốc gia châu Á đều có diễu hành xe hoa và nghi

lễ tụng niệm, tại Hàn Quốc có lễ hội đèn hoa sen (연등회, Yeondeunghoe) rất lớn.^[6]

Tại Bhutan

Tại Bhutan, Phật nhập Niết bàn là một ngày lễ quốc gia và cũng được tổ chức với tên gọi Saga Dawa vào ngày thứ 15 của Saga Dawa (tháng thứ tư của lịch Tây Tạng). Việc quan sát tháng thánh bắt đầu từ ngày 1 của Saga Dawa, Tháng Vesak mà đỉnh điểm là vào ngày 15 trăng tròn của tháng với các lễ kỷ niệm ba sự kiện thánh trong cuộc đời của Đức Phật; sinh, giác ngộ và Chết (Mahaparinirvana). Xuyên suốt Tháng lễ Saga Dawa Vesak, các hoạt động đạo đức và luân lý đạo đức diễn ra trong gia đình, chùa chiền, tu viện và những nơi công cộng. Những người sùng đạo và tín đồ tuân thủ các bữa ăn chay nghiêm ngặt trong suốt tháng Saga Dawa và tránh tiêu thụ bất kỳ thực phẩm không phải là đồ ăn chay nào. Ngày lễ Phật nhập niết bàn cũng chứng kiến các tín đồ đến thăm tu viện để cầu nguyện và thắp đèn bơ. Mọi người thuộc nhiều tầng lớp khác nhau mặc quốc phục của họ và đến các tu viện để nhận được sự ban phước từ vị thần hộ mệnh của họ.

Tại Ấn Độ

Lễ Phật Đản được tổ chức ở Ấn Độ, đặc biệt là ở Sikkim, Ladakh, Arunachal Pradesh, Bodh Gaya (*Bồ Đề Đạo Tràng*), các nơi khác nhau tại Bắc Bengal như Kalimpong, Darjeeling, Kurseong, và Maharashtra (nơi có 73% tín đồ Phật giáo Ấn Độ) và các nơi khác của Ấn Độ theo lịch Ấn Độ. Người Phật tử đi đến Tịnh xá và ở lại lâu hơn các ngày thường, nghe toàn bộ kinh Phật giáo dài. Họ mặc trang phục thường là màu trắng tinh khiết và ăn chay. *Kheer*, một loại cháo ngọt thường được phục vụ để nhớ lại câu chuyện

của *Sujata*, một cô gái trẻ đã dâng Đức Phật một bát cháo sữa. Mặc dù thường gọi là "Phật Đản", nhưng ngày này đã trở thành ngày Tam Hợp, kỷ niệm Đản sinh, giác ngộ (nirvāna) và ngày nhập Niết bàn (Parinirvāna) của Đức Phật theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy (Theravada).

Tại Ấn Độ, Nepal và các nước láng giềng Đông Nam Á theo Phật giáo Nguyên thủy, lễ Vesak/Purnima nguyên thủy được tổ chức vào ngày trăng tròn của tháng Vaisakha của lịch Phật giáo và lịch Hindu, mà thường rơi vào tháng 4 hoặc tháng 5 của lịch Gregorian phương Tây. Lễ hội được gọi là *Phật Purnima* (बुद्ध पूर्णिमा), *Purnima* nghĩa là ngày trăng tròn trong tiếng Phạn. Ngày lễ cũng được gọi là *Phật Jayanti*, với *Jayanti* có nghĩa là sinh nhật ở Nepal và Tiếng Hindi. Gần đây, tại Nepal, Ấn Độ, Sri Lanka, ngày Vesak/Purnima chính được tổ chức vào ngày trăng tròn trong tháng 5 dương lịch.

Tại Nepal

Đại lễ Phật đản, thường được biết đến ở Nepal là "Phật Jayanti" (sinh nhật Đức Phật) được tổ chức rộng rãi trên khắp cả nước, chủ yếu là tại Lumbini (Lâm-tì-ni) - nơi sinh của Đức Phật - và tại chùa Swayambhu - ngôi chùa linh thiêng của Phật giáo, còn được gọi là "*Chùa Khi*". Cánh cửa chính của Swayambhu chỉ được mở vào ngày này, do đó, mọi người từ khắp thung lũng Kathmandu và hàng ngàn khách hành hương từ nhiều nơi trên thế giới đến với nhau để mừng Phật đản tại nơi ông sinh ra, Lumbini. Tại Nepal, Đức Phật được tôn thờ bởi tất cả các nhóm tôn giáo, do đó "Phật Jayanti" được đánh dấu bằng một ngày nghỉ lễ quốc gia. Người ta tặng thực phẩm và quần áo cho những người nghèo và cũng cung cấp hỗ trợ tài chính cho các tu viện và trường học, nơi Phật giáo được dạy và thực

hành.

Tại Myanmar[sửa | sửa mã nguồn]

Tại Myanmar, ngày Vesak cũng gọi là ngày của Kason. Kason là tháng thứ 2 trong 12 tháng theo lịch Myanmar. Đây là tháng nóng nhất trong năm. Nên trong khuôn khổ lễ hội Vesak, người dân nơi đây, với lòng thành kính, đặt những chậu nước tinh khiết trên đầu đội đến những tự viện tưới xuống cây Bồ-đề. Họ tưới cây Bồ-đề để cảm ơn giống cây này đã che chở đức Thế Tôn trong những ngày thiền định trước khi chứng đạo và ước nguyện năng lực giải thoát luôn trường dưỡng trong họ.

Tại Sri Lanka

Tại Sri Lanka, Phật giáo là quốc giáo. Thời gian lễ hội Vesak, người dân được nghỉ lễ. Gần đây, lễ Vesak được tổ chức vào ngày trăng tròn trong tháng 5 dương lịch và kéo dài 1 tuần.^[7] Ngoài những buổi lễ tụng kinh và cầu nguyện mang tính tôn giáo, lễ hội Vesak còn có nhiều chương trình mang tính lễ hội dân gian. Trong những ngày lễ hội, việc bán rượu và thịt thường bị cấm, tất cả quán bia rượu và lò giết mổ phải đóng cửa.^[8] Người dân nước này phóng sanh một số lượng lớn thú vật, chim, cá... Việc bố thí ("*Dana*") cũng được xem rất trọng, họ thường đến thăm và phát quà cho trẻ mồ côi và người già neo đơn cũng như lập những quầy cung cấp miễn phí thức ăn uống cho khách qua đường.^[7] Người dân thường mặc áo trắng và đi đèn đèn thờ, tu viện và tham gia vào các nghi lễ truyền thống tại đó, nhiều người ở lại đèn thờ cả ngày và thực hành Bát giới. Hầu hết tư gia Phật tử đều trang trí cờ Phật giáo, lồng đèn và đèn nến... Những nơi công cộng diễn ra nhiều chương trình lễ hội. Trong đó chương trình rước và diễn hành xá-lợi gây ấn tượng và tạo nên xúc cảm nhất đối với người tham dự. Xá-

lợi Phật được tôn trí trên lưng những chú voi được trang điểm lông lầy với sắc màu mang phong cách Nam Á, theo sau là hàng ngàn Phật tử, diễu hành khắp những đường phố.^[5]

Tại Indonesia

Ngày lễ quan trọng và truyền thống này được tổ chức khắp Indonesia, được gọi là ngày *Waisak* và là ngày nghỉ lễ quốc gia mỗi năm, chính thức kể từ năm 1983, được tổ chức vào ngày rằm tháng 4 âm lịch. Tại đền Borobudur (*Ba La Phù Đồ*), hàng ngàn nhà sư Phật giáo sẽ hội tụ với nhau để tụng các câu thần chú và câu kinh trong một nghi lễ gọi là "Pradaksina". Các nhà sư kỷ niệm ngày đặc biệt với việc hứng nước thánh (tượng trưng cho sự khiêm tốn) và vận chuyển ngọn lửa (tượng trưng cho ánh sáng và giác ngộ) từ vị trí này đến vị trí khác. Các nhà sư cũng tham gia vào nghi lễ "Pindapata", nơi họ nhận được từ thiện và cúng dường từ người dân Indonesia.

Tại Thái Lan, Lào, Campuchia

Thái Lan là quốc gia Phật giáo đã 5 lần tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc. Vesak Day cũng được gọi là *Visaka Bochea Day* tại Campuchia và *Vixakha Bouxa Day* tại Lào. Tại Lào, trong thời gian lễ hội Vesak, khí trời nóng bức và không mưa, người ta thường bắn pháo hoa với ước nguyện sẽ có mưa.

Tại Trung Hoa

Tại Trung Quốc, Phật giáo đã có mặt gần 2000 năm. Phật giáo từng là tư tưởng chủ đạo cho chính quyền và người dân trong một số triều đại. Lễ Phật đản được tổ chức từ thời Tam Quốc, đã ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội qua nhiều giai đoạn lịch sử. Nhưng ngày nay Phật giáo không còn ảnh hưởng nhiều trong xã hội Trung Quốc, từ khi theo xã hội chủ nghĩa. Người dân chỉ còn

biết đến Phật giáo như là một tôn giáo lo ma chay, cúng kiếng, võ thuật... Lễ Phật đản chỉ có thể được tổ chức trong khuôn viên tự viện và ít được xã hội quan tâm.

Tại Đài Loan

Phật giáo Đài Loan có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống thường nhật của người dân tại lãnh thổ Đài Loan. Từ năm 1999, ngày Phật Đản đã là một ngày nghỉ lễ quốc gia ở Đài Loan, được tổ chức hàng năm vào ngày *chủ nhật thứ hai của tháng 5* và trùng với Ngày của Mẹ.^[9] Nghi lễ thường bắt đầu với điệu nhảy truyền thống và hát ca khúc Phật giáo. Một bức tượng của Đức Phật - kèm theo âm nhạc - được rước vào địa điểm và buổi lễ bắt đầu với phân dâng cúng năm vật là hoa, trái cây, hương, thực phẩm và đèn cho Đức Phật.^[9]

Tại Nhật Bản

Tại Nhật Bản, Phật giáo truyền đến từ cuối thế kỷ thứ VI và là tôn giáo chính trong giai đoạn trung và đầu cận đại. Ngày nay, vai trò của tôn giáo ít ảnh hưởng mạnh đến đời sống thường ngày ở Nhật Bản. Lễ Phật đản thường gắn liền với Lễ hội Hoa Anh đào, cũng chỉ giới hạn trong phạm vi tự viện và trong quần chúng Phật tử.

Như một kết quả của thời Minh Trị Duy Tân, Nhật Bản đã thông qua lịch Gregorian thay âm lịch của Trung Quốc từ năm 1873. Trong nhiều ngôi chùa Nhật Bản, ngày Đức Phật sinh được tổ chức vào ngày 8 tháng 4 dương lịch, và ít khi theo những ngày âm lịch của Trung Quốc.

Tại Hàn Quốc

Tại Hàn Quốc, ngày Phật đản là ngày lễ quốc gia. Ngày này được gọi là 석가 탄신일 (Seokga tansinil), có nghĩa là "Phật đản"

hoặc 부처님 오신 날 (Bucheonim osin nal) có nghĩa là "ngày Đức Phật đến", bây giờ đã phát triển thành một trong những lễ hội văn hóa lớn nhất của quốc gia. Lễ hội Phật đản diễn ra tại nhiều nơi công cộng, và trên những đường phố. Trưng bày và diễu hành lồng đèn là một trong những chương trình ấn tượng và gây nhiều xúc cảm nhất.

Lễ hội đèn lồng (연등회, Yeon Deung Hoe) thường kéo dài 1 tuần cho đến ngày chính thức Phật đản. Riêng tại thủ đô Seoul, ước tính có khoảng trên 100.000 lồng đèn với nhiều hình dáng và màu sắc đã được trưng bày và biểu diễn trên những đường phố, và dự đoán sẽ có khoảng 300.000 lượt người trong và ngoài nước tham dự lễ hội này.^[6] Lễ hội đèn lồng này được ghi vào Danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể của UNESCO từ năm 2020 và được công nhận là Tài sản Văn hóa Phi vật thể của Hàn Quốc từ năm 2012.^[10]

Vào ngày Đức Phật ra đời, nhiều ngôi chùa cung cấp bữa ăn miễn phí và trà cho tất cả du khách.

Tại Việt Nam

Lễ Phật đản được công nhận là một ngày nghỉ lễ chính thức tại miền Nam Việt Nam bắt đầu từ năm 1958 do chính phủ Đệ Nhất Cộng hòa của chính thể Việt Nam Cộng hòa thông qua,^[11] vào ngày này thường có diễu hành xe hoa trên đường phố. Khi Việt Nam thống nhất sau khi chấm dứt chiến tranh Việt Nam năm 1975, thì ngày này không còn là ngày lễ quốc gia.

Ngày lễ này ngày càng được Phật giáo Việt Nam tổ chức long trọng trên cả nước với nhiều hoạt động phong phú như diễu hành, rước xe hoa, văn nghệ mừng sự ra đời của Đức Phật và các hoạt động từ thiện khác.

Đại lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc - Vesak đã được tổ chức tại Việt Nam vào các năm 2008, 2014, 2019.

Trước đây, ở Việt Nam thường tổ chức lễ Phật đản vào ngày 8 tháng 4 âm lịch, nhưng những năm gần đây, theo văn bản của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam lễ được tổ chức từ 8 đến 15 tháng 4 (âm lịch), lễ chính vào ngày 15 tháng 4 âm lịch.^[12]

Những năm gần đây, ngày Phật Đản được coi là một ngày lễ hội quan trọng, thu hút sự tham gia không chỉ của Phật tử mà còn là của người dân trên mọi miền của Việt Nam.

Ngoài ra vào ngày này các tổ chức từ thiện của Phật giáo thường tổ chức các hoạt động thăm hỏi những người khó khăn, trẻ em cơ nhỡ tại các nhà tình thương, những người già neo đơn không nơi nương tựa. Đây chính là điều quan trọng nhất của Đạo Phật trong việc xây dựng Đạo của sự Từ Bi.

Tại Indonesia, Thái Lan, ngày Vesak được tổ chức vào ngày 14 hoặc ngày 15 tháng 4 âm lịch; tại Sri Lanka, Nepal, Ấn Độ, ngày Phật Đản được tổ chức vào ngày trăng tròn trong tháng 5 dương lịch; tại Trung Hoa, Việt Nam, Hàn Quốc là ngày 8 tháng 4 âm lịch; tại Nhật Bản là ngày 8 tháng 4 dương lịch.

Tóm lại lễ Phật Đản là ngày Phật giáo kỷ niệm ngày Phật sinh ra đời. Do có 2 nguồn truyền thừa, nên có 2 ngày lễ gần như khác nhau, nhưng thật ra vẫn trùng khớp vào ngày trăng tròn. Là ngày trọng đại kỷ niệm để ghi nhớ công ơn đức Phật đã giáo hóa chúng sinh ăn hiền ở lành để được giải thoát khỏi luân hồi trầm luân trong bể khổ, luôn luôn tinh tấn tu học.

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita
Hoang Phong chuyên ngữ

Bài 30

Nam tính và nữ tính trong cuộc sống tâm linh

Thời buổi ngày nay, đề cập đến vấn đề nam tính nữ tính, dù là thuộc lãnh vực nào, thì cũng chẳng khác gì bước vào một lãnh địa vô cùng nguy hiểm, dù với tất cả sự thận trọng bằng cách đặt các chữ này (*nam và nữ*) vào giữa hai ngoặc kép cũng vậy, cũng không sao tránh khỏi cách hiểu quá đổi từ chương của hai chữ này. Thế nhưng thật ra chúng ta cũng có thể áp dụng ý nghĩa của các chữ ấy (*nam tính và nữ tính*) vào các *paramita* (*ba-la-mật / sự hoàn hảo*) là các phương cách luyện tập của người Phật giáo: đó là *kshanti* và *virya*. (*kshanti* là tiếng Phạn có nghĩa là sự kiên nhẫn (*patience*), khoan dung (*toleration*) và tha thứ (*forgiveness*); và chữ *virya* thì có nghĩa là sức cố gắng hay nghị lực).

Theo Phật giáo Theravada thì có 10 *paramita* (*dasa paramiyo*):

- 1- *Dana parami*: sự hào hiệp (*generosity*)
- 2- *Sila parami*: đạo đức (*virtue*)
- 3- *Nekkhamma parami*: sự từ bỏ (*renunciation, self-abnegation*)
- 4- *Panna*: trí tuệ (*wisdom / sự hiểu biết minh bạch*)
- 5- *Virya parami*: nghị lực (*energy, diligence / sức cố gắng, sự cường lực*)

6- *Khanti parami*: kiên nhẫn, khoan dung, tha thứ (*tolerance, acceptance, forgiveness*)

7- *Sacca paramita*: sự ngay thật (*honesty*)

8- *Adhithana parami*: quyết tâm, cương quyết (*determination*)

9- *Metta parami*: lòng từ tâm, lòng nhân ái (*goodwill*)

10- *Upekkha parami*: sự thanh thản, bình lặng (*equanimity, serenity / xả*)

Theo Đại thừa thì có 6 *paramita*:

1- *Dana paramita*: sự hào hiệp

2- *Sila paramita*: đạo đức

3- *Kshanti paramita*: kiên nhẫn, khoan dung, tha thứ

4- *Virya paramita*: nghị lực, sức cố gắng, sự cường lực.

5- *Dhyana paramita*: tập trung tâm thần, sự suy tư (*concentration, contemplation*)

6- *Prajna paramita*: trí tuệ (*wisdom*)

Kshanti là gì

Không nên nhầm lẫn giữa chữ *kshanti* (*kiên nhẫn, sức chịu đựng*) với chữ *shanti* có nghĩa là sự an bình (*peace / yên lặng, yên tĩnh*). *Kshanti* là một từ đẹp nhất trong trong ngữ vựng

Phật giáo. Ý nghĩa của thuật ngữ *kshanti* rất đa dạng, không có một từ nào trong các ngôn ngữ Tây phương mang ý nghĩa tương đồng với thuật ngữ này trong tiếng Phạn (*kinh sách Hán ngữ gọi phẩm*

tính này "Nhân"). Nghĩa từ chương của chữ này là sự kiên nhẫn hay sức chịu đựng (*endurance / sức bền bỉ*), đó là liều thuốc hóa giải sự giận dữ, tương tự như *dana* (sự hào hiệp) là liều thuốc hóa giải sự tham lam. Ngoài các ý nghĩa không giận dữ và không hận thù (*kiên nhẫn, khoan dung và tha thứ*) chữ kshanti còn ẩn chứa cả tình thương yêu, lòng từ bi, sự rộng lượng, dung thứ, chấp nhận và thụ cảm (*receptivity / khả năng tiếp nhận hay cảm nhận dưới hình thức xúc cảm*). Hơn nữa kshanti còn nói lên cả một sự dịu dàng và hiếu hòa, phản ánh một sự nhún nhường chân thật.

Dưới đây là ba ý nghĩa chủ yếu của phẩm tính kshanti:

- 1- sự kiên nhẫn (*sức chịu đựng*)
- 2- sự khoan dung
- 3- khả năng thụ cảm (*sự bén nhạy trong lãnh vực tâm linh*)

Ba khía cạnh đó của phẩm tính kshanti sẽ được hình dung qua ba câu chuyện khác nhau, nhằm mục đích gợi lên với chúng ta là phẩm tính kshanti là một cái gì đó không mang tính cách lý thuyết, hay một hình thức tự biện (speculation), mà đúng hơn là một hình thức thực hành liên quan đến cuộc sống thường nhật.

Kshanti dưới hình thức một sự chịu đựng

Kshanti nói lên sự chịu đựng được hình dung qua một câu chuyện trong cuộc sống của Đức Phật. Câu chuyện này được nêu lên trong "Bài kinh gồm 42 tiết mục" (*kinh sách tiếng Hán gọi là Tứ thập nhị chương kinh, mang biểu bạn một món quà, thế nhưng bạn lại không muốn nhận. Và nếu bạn không nhận, thì món quà ấy sẽ thuộc về ai?*)

Người này đáp lại như sau:

- "Nếu tôi không nhận thì tất nhiên món quà ấy sẽ phải thuộc vào người có ý mang tặng tôi"

Đức Phật lại đáp:

- "Quả đúng là như vậy, bạn vừa tặng cho ta một món quà gồm những lời phi báng, thế nhưng ta không nhận, vậy bạn cứ giữ cho bạn nhé!"

Trên đây là thái độ hành xử của Đức Phật. Thật hiển nhiên, không mấy ai trong chúng ta có thể hành xử như vậy, có nghĩa là đủ sức trả lời một cách hòa nhã. Nếu bị một người nào đó phi báng thì tức khắc chúng ta sẽ trả đũa ngay bằng những lời cay độc tương xứng. Hơn nữa chúng ta lại còn ghi khắc trong tâm những lời phi báng độc ác đó để sau này tìm cách trả thù. Vị đại sư Shantideva (*shanti có nghĩa là yên lặng hay an bình, deva có nghĩa là thiên nhân hay thánh nhân / deity, kinh sách Hán ngữ "dịch" tên của vị này là Tịch Thiên*) mách bảo chúng ta nhiều phương cách luyện tập về sức chịu đựng nêu lên trong phẩm tính kshanti. Chẳng hạn Shantideva cho biết nếu có một người nào đó dùng gậy đánh mình, [thì cứ hãy nghĩ rằng] đây chỉ là những cảm nhận đau đớn [trên thân thể] chẳng có gì đáng phải nổi điên. Thay vì điên tiết lên thì hãy cứ cố gắng tìm hiểu xem những gì đang xảy ra, chẳng hạn như qua sự nhận xét cẩn thận thì mình nhận thấy có hai thứ cùng xảy ra trùng hợp với nhau: một thứ là cây gậy và một thứ là thân thể của mình. Cảm giác đau đớn là hậu quả phát sinh từ sự gặp gỡ trùng hợp của hai yếu tố đó: cây gậy và thân thể. Đến đây, Shantideva nêu lên một thắc mắc như sau: ai là người lãnh trách nhiệm về sự trùng hợp đó? Quả đúng là người đưa cao

cây gậy lên để đánh mình, và người này tất nhiên phải lãnh một phần trách nhiệm, thế nhưng chính mình tạo ra thân thể mình [để người ấy đánh], thân thể ấy từ đâu sinh ra (*từ nguyên nhân sâu xa nào làm phát sinh ra thân thể của mình*)? Thân thể đó phát sinh từ **samskara** (*xin xem thêm giải thích bên dưới về chữ samskara*) trước đây của mình: đó là tình trạng vô minh của mình và những gì mà mình làm dưới sự chi phối của nó trong các kiếp sống quá khứ của mình. Quả đúng là có một người cầm một cây gậy, thế nhưng chính mình đem cái thân thể này của mình đến [để người ấy đánh], vì thế cả hai đều cùng chịu trách nhiệm như nhau. Do vậy tại sao mình lại chỉ nổi nóng đối với người cầm gậy, mà không nổi nóng với chính mình (*tức là nổi nóng với tình trạng vô minh và làm lẫn của mình trong quá khứ*) là người mang thân thể mình đến [cho người ấy đánh]? Trong tập luận *Bodhicaryavatara* ("*Con đường đưa đến Giác Ngộ*", *Bodhi có nghĩa là Giác ngộ, carya là phép luyện tập, avatara là cửa ngõ, kinh sách Hán ngữ gọi tập sách này là "Bồ-đề hành luận"*) Shantideva nêu lên thật nhiều cách suy nghĩ đại loại như vậy giúp chúng ta luyện tập về sức chịu đựng (*sức kiên trì, một trong ba thể dạng của phẩm tính kshanti / sự nhẫn nhục*).

(*Samskara là "sự tạo tác tâm thân", kinh sách Hán ngữ gọi là "hành", có nghĩa là các "sự tạo dựng của tâm thức mang tính cách chủ tâm" / mental formations / volition. Xin nhắc lại chữ samskara nằm trong khái niệm về năm thứ cấu hợp / skandha tạo ra một cá thể con người, kinh sách Hán ngữ gọi là ngũ uẩn: 1-rupa (hình tướng / form), 2- vedana (sự cảm nhận / sensation, feeling), 3- Samjna (sự nhận biết hay nhận thức / perception), 4- samskara (sự tạo tác tâm thân hay tác ý /*

mental formation, volition - theo nhà sư Sangarakshita thì đó là nguyên nhân tạo nghiệp, đưa đến sự hình thành của thân thể); 5-Vijnana (*tri thức / consciousness, là cơ sở tạo ra sự phân biệt giữa chủ thể/đối tượng. Những gì vừa nêu lên khá lý thuyết và khúc triết, đối với những người không thích suy nghĩ nhiều thì chỉ cần hiểu rằng nếu không có nghiệp của mình đưa đến sự hình thành của thân thể mình thì người cầm gậy bùng lên sự tức giận để đánh vào không khí. Luôn nên nghĩ đến nguyên lý tương liên tương tác và tương tạo giữa mọi hiện tượng / pratityasamutpada / lý duyên khởi, bởi vì đó là chiếc chìa khóa mở ra lâu đài Phật giáo*).

Bures-Sur-Yvette, 27.02.21

Hoang Phong chuyển ngữ

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

396

Ta không gọi Phạm chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh.
Chỉ được gọi tên sông
Nếu tâm còn phiền não.
Không phiền não, chấp trước
Ta gọi Bà-la-môn.

Đôi nét về đạo Phật và Giáo hội Phật Giáo Việt Nam

Nguồn Ban Tôn giáo Chính Phủ

Đạo Phật ra đời ở Ấn Độ từ thế kỷ thứ VI trước công nguyên, trong điều kiện xã hội phân chia theo chế độ đẳng cấp bất bình đẳng. Đạo Phật ra đời là sự kế thừa, tiếp nối các trào lưu tôn giáo, triết học nổi tiếng của Ấn Độ cổ đại và được coi là một trong những học thuyết xã hội chống lại sự bất công trong xã hội đương thời.

ĐÔI NÉT VỀ ĐẠO PHẬT

Người sáng lập ra đạo Phật là Thái tử Tất Đạt Đa (Shidhartha) sinh năm 624 trước công nguyên thuộc dòng họ Thích Ca (Sakyà), con vua Tịnh Phạn Vương Đầu Đà Na (Sudhodana) trị vì nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilvasu) xứ Trung Ấn Độ lúc đó và hoàng hậu Ma Da (Maya). Dù sống trong cuộc đời vương giả nhưng Thái tử vẫn nhận ra sự đau khổ của nhân sinh, vô thường của thế sự nên Thái tử đã quyết tâm xuất gia tìm đạo nhằm tìm ra căn nguyên của đau khổ và phương pháp diệt trừ đau khổ để giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Sau nhiều năm tìm thày học đạo, Thái Tử nhận ra rằng phương pháp tu hành của các vị đó đều không thể giải thoát cho con người hết khổ được. Cuối cùng, Thái tử đến ngồi nhập định dưới gốc cây Bồ đề và thề rằng “*Nếu Ta không thành đạo thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này*”. Sau 49 ngày đêm thiền định, Thái tử đã đạt được Đạo vô thượng, thành bậc “*Chánh đẳng chánh giác*”, hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni. Đó là ngày 08 tháng 12 năm Đức Phật 31 tuổi.

Tư tưởng chủ đạo của đạo Phật là dạy con người hướng thiện, có tri thức để xây dựng

cuộc sống tốt đẹp yên vui trong hiện tại. Đạo Phật không công nhận có một đấng tối cao chi phối đời sống của con người, không ban phúc hay giáng hoạ cho ai mà trong cuộc sống mỗi người đều phải tuân theo luật Nhân - Quả, làm việc thiện thì được hưởng phúc và làm việc ác thì phải chịu báo ứng. Đạo Phật còn thể hiện là một tôn giáo tiên bộ khi không có thái độ phân biệt đẳng cấp. Đức Phật đã từng nói: “*Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ như nhau, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn*”. Ngoài ra, đạo Phật cũng thể hiện tinh thần đoàn kết và không phân biệt giữa người tu hành và tín đồ, quan điểm của đạo Phật là “*Tứ chúng đồng tu*”, đó là Tăng, Ni, Phật tử nam và Phật tử nữ đều cùng được tu và nếu ai có quyết tâm đều có thể thành tựu như Đức Phật.

Khác với một số tôn giáo lớn trên thế giới, đạo Phật chủ trương không có hệ thống tổ chức thế giới và hệ thống giáo quyền. Điều này xuất phát từ lý do Đức Phật hiểu rõ sự ham muốn quyền lực của con người, do đó Đức Phật chủ trương không giao giáo quyền quản lý cho ai mà chỉ hướng dẫn đệ tử nương vào giáo lý, giáo luật để duy trì và tồn tại theo hệ thống sơn môn (như dòng họ thế tục ngoài đời).

Một đặc điểm nổi bật của đạo Phật là một tôn giáo hoà bình, hữu nghị, hợp tác. Trải qua hơn 25 thế kỷ tồn tại và phát triển, đạo Phật du nhập vào trên 100 nước trên thế giới, ở hầu khắp các châu lục nhưng luôn với trạng thái ôn hoà, chưa bao giờ đi liền với chiến tranh xâm lược hay xảy ra các

cuộc thánh chiến. Tính đến năm 2008, đạo Phật có khoảng 350 triệu tín đồ và hàng trăm triệu người có tình cảm, tín ngưỡng và có ảnh hưởng bởi văn hoá, đạo đức Phật giáo.

Về giáo lý, giáo luật, lễ nghi của đạo Phật:

Kinh sách của Phật giáo được chia làm 3 tạng (Tam tạng kinh điển):

- Kinh tạng: là những sách ghi chép lời Phật giảng dạy về giáo lý, còn gọi là Khế kinh, có nghĩa như là một chân lý.
- Luật tạng: là sách ghi chép những giới luật của Phật chế định dành cho 2 chúng xuất gia và 2 chúng tại gia phải tuân theo trong quá trình sinh hoạt và tu học, đặc biệt là các quy định đối với hàng đệ tử xuất gia.
- Luận tạng: là sách giảng giải ý nghĩa về kinh, luật.

Về số lượng, kinh sách của Phật giáo được coi là một kho tàng vĩ đại. Riêng Đại tạng kinh có gần 10.000 pho sách, ngoài ra còn rất nhiều những trước tác, bình luận, giải thích giáo lý và rất nhiều các lĩnh vực khác, như: Văn học, triết học, nghệ thuật, luân lý học được truyền bá khắp thế giới và được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nguyên bản thì chép bằng chữ Pali và chữ Phạn.

* Giáo lý:

Giáo lý của đạo Phật có rất nhiều nhưng đều xuất phát từ thực tế cuộc sống, không trừu tượng, siêu hình, giáo điều hay khiên cưỡng, không ép buộc mà hoàn toàn chỉ mang tính định hướng để cho mọi người tùy điều kiện, hoàn cảnh, nhận thức áp dụng linh hoạt để dù tu theo cách nào trong 84.000 pháp môn tu Đức Phật đã chỉ ra thì cuối cùng cũng đạt

đến mục đích sống yên vui, ấm no và hạnh phúc cho mỗi người, cho gia đình và xã hội.

Giáo lý cơ bản của đạo Phật có 2 vấn đề quan trọng, đó là Lý Nhân duyên và Tứ Diệu đế (4 chân lý).

Lý Nhân duyên

Phật giáo quan niệm các sự vật, hiện tượng trong vũ trụ luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng theo quy luật Thành - Trụ - Hoại - Không (mỗi sự vật đều có quá trình hình thành, phát triển và tồn tại một thời gian, rồi biến chuyển đi đến huỷ hoại và cuối cùng là tan biến, ví như một làn sóng, khi mới nhô lên gọi là “thành”, khi nhô lên cao nhất gọi là “trụ”, khi hạ dần xuống gọi là “hoại”, đến khi tan rã lại trở về “không”) và đều bị chi phối bởi quy luật nhân - duyên, trong đó nhân là năng lực phát sinh, là mầm để tạo nên quả và duyên là sự hỗ trợ, là phương tiện cho nhân phát sinh, nảy nở. Tuy vào sự kết hợp giữa nhân và duyên mà tạo thành các sự vật, hiện tượng khác nhau. Có hay không một hiện tượng, sự vật là do sự kết hợp hay tan rã của nhiều nhân, nhiều duyên. Nhân và duyên cũng không phải tự nhiên có mà nó được tạo ra bởi sự vận động của các sự vật, hiện tượng và quá trình hợp - tan của các nhân - duyên có trước để tạo ra nhân - duyên mới, Phật giáo gọi đó là tính “trùng trùng duyên khởi”.

Về con người, Phật giáo cho rằng cũng không nằm ngoài quy luật: Thành - Trụ - Hoại - Không, hay nói cách khác bất cứ ai cũng phải tuân theo quy luật: Sinh - Trụ - Diệt (đó là chu trình con người được sinh ra, lớn lên, tồn tại, thay đổi theo thời gian và cuối cùng là diệt vong). Khi con người mất đi thì tinh thần cũng theo đó mà tan biến. Phật giáo không công nhận một linh hồn vĩnh cửu, tách rời thân thể để chuyển từ kiếp

này sang kiếp khác.

Phật giáo quan niệm con người được sinh ra không phải là sản phẩm của một đấng tối cao nào đó, càng không phải tự nhiên mà có. Sự xuất hiện của một người là do nhiều nhân, nhiều duyên hội hợp và người đó không còn tồn tại khi nhân duyên tan rã. Nhân - duyên ở đây được Phật giáo khái quát thành một chuỗi 12 nhân duyên (thập nhị nhân duyên), là sợi dây liên tục nối tiếp con người trong vòng sinh tử luân hồi: 1) Vô minh; 2) Hành; 3) Thức; 4) Danh sắc; 5) Lục nhập; 6) Xúc; 7) Thọ; 8) Ái; 9) Thủ; 10) Hữu; 11) Sinh; 12) Lão tử. Trong đó, Vô minh là duyên của "Hành", Hành là duyên của "Thức", Thức là duyên của "Danh sắc", Danh sắc là duyên của "Lục nhập", Lục nhập là duyên của "Xúc", Xúc là duyên của "Thọ", Thọ là duyên của "Ái", Ái là duyên của "Thủ", Thủ là duyên của "Hữu", Hữu là duyên của "Sinh", Sinh là duyên của "Lão tử". Phật giáo cho rằng 12 nhân duyên có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, cái này là quả của cái trước nhưng lại là nhân, là duyên cho cái sau. Trong chuỗi nhân duyên, Phật giáo chú trọng nhấn mạnh tới yếu tố "vô minh", hiểu theo nghĩa đen là một màn đêm u tối, không có ánh sáng dẫn đường, không biết lối mà đi; hiểu theo nghĩa bóng đó là sự thiếu hiểu biết của con người về thế giới khách quan, về bản chất chân thực của sự vật hiện tượng dẫn tới nhìn nhận thiên kiến, thiên cận, thiên diện, chấp ngã, đề cao cái "Ta", từ đó dẫn dắt đến hành động sai trái, tạo nên nghiệp xấu, gây nên "nhân" xấu, sinh ra "quả" xấu, làm cho con người phải chịu đau khổ, mãi quần quanh trong vòng sinh tử luân hồi. Do đó, để có thể thụ hưởng yên vui, an lạc trong cuộc đời con người phải học tập, lấy trí tuệ làm sự nghiệp (duy tuệ thị nghiệp) để xoá bỏ "vô minh", tạo ra những nhân, duyên tốt để gieo trồng nên quả

ngọt.

Phật giáo quan niệm mọi sự vật luôn luôn biến chuyển, đổi thay, mọi thứ ta có, ta nhìn thấy đều chỉ là vô thường. Vô thường là không thường xuyên, mãi mãi ở trong một trạng thái nhất định mà nó sẽ luôn biến đổi, tồn tại hay không tồn tại, có hay không có đó chỉ là vấn đề thời gian. Khi đầy đủ nhân duyên hội hợp thì sự vật hiện hữu, gọi là "có"; khi nhân duyên tan rã thì sự vật biến diệt, lại trở về là "không". Muôn vật từ nhân duyên mà sinh và cũng do nhân duyên mà diệt. Lý nhân duyên làm cho ta thấy con người là một đấng tạo hoá tự tạo ra đời sống của mình, con người làm chủ đời mình, làm chủ vận mệnh của mình. Cuộc đời con người vui sướng hay phiền não đều do nhân và duyên mà con người tự tạo ra chi phối. Từ cách nhìn nhận đó, Đức Phật khuyên con người sống hướng thiện, thực hiện tâm từ bi, biết yêu thương và chia sẻ, vì hạnh phúc của mọi người và hạnh phúc của mình, sống tự tại an lạc, không cố chấp bám víu vào sự vật, hiện tượng, không bị ảnh hưởng, chi phối bởi sự vô thường của cuộc sống.

Tứ diệu đế

Khi còn là Thái Tử, Đức Phật đã nhận ra cuộc đời đầy rẫy sự đau khổ, do đó Ngài đã quyết chí ra đi tu hành để lý giải vì sao con người ta lại đau khổ và làm sao để thoát khổ. Sau khi đắc đạo, Đức Phật đã nhận rõ căn nguyên nguồn cội của sự khổ đau và phương pháp để diệt trừ nó, Đức Phật đã đem kiên thức của mình truyền bá và hướng dẫn cho người xung quanh thực hành.

Song giai đoạn đầu truyền bá không thành công vì lý lẽ Đức Phật nói ra quá cao siêu mà trình độ của những người nghe đa số còn hạn hẹp nên họ không hiểu, dần dần rời

bỏ khỏi những buổi thuyết pháp của Phật. Từ đó Phật đã chuyển đổi phương pháp giảng đạo từ tư duy lý luận sang hướng dẫn thực hành, đó là pháp môn Tứ diệu đế.

Tứ diệu đế đã trở thành giáo lý căn bản, xuyên suốt trong toàn bộ kinh điển Phật giáo. Tứ diệu đế bao gồm: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

- *Khổ đế*: Đức Phật chỉ ra rằng, con người ta sống ở trên đời ai cũng phải gặp những điều đau khổ. Ngài đã khái quát cái khổ của con người thành 8 loại khổ (bát khổ):

- + Sinh (sinh ra đời và tồn tại cũng phải trải qua những đau khổ);
- + Lão (tuổi già sức yếu là khổ);
- + Bệnh (đau ốm là khổ);
- + Tử (chết là khổ);
- + Ai biệt ly khổ (những người thân yêu phải xa nhau là khổ);
- + Oán tăng hội khổ (những người có oán thù mà phải gặp gỡ cũng khổ);
- + Cầu bất đắc khổ (điều mong cầu không toại nguyện là khổ);
- + "Ngũ âm xí thịnh khổ" (thân ngũ đại của con người được gọi là thân ngũ âm, đó là: sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm và thức âm. Thân ngũ đại của con người luôn bị chi phối, khổ sở bởi luật vô thường, bởi thất tình, lục dục lôi cuốn... làm cho khổ sở).

Đức Phật nói Khổ đế không phải để làm cho con người buồn chán, bi quan mà trái lại, làm cho mọi người nhìn rõ về quy luật và thực tế của cuộc sống để trân trọng những gì mình có, khi gặp cảnh khổ cũng không hoảng loạn mà điềm tĩnh đón nhận, không bị hoàn cảnh chi phối, tìm phương án giải quyết cho tốt đẹp.

- *Tập đế*: nguyên nhân tạo thành những nỗi khổ hiện hữu ở đời, Đức Phật gọi là Tập đế. Đức Phật khái quát nguyên nhân nỗi khổ thành "Thập kết sử" (mười điều cốt lõi làm cho con người bị khổ đau), đó là: tham (tham lam), sân (giận dữ), si (si mê), mạn (kiêu ngạo), nghi (nghi ngờ), thân kiến (chấp ngã), biên kiến (hiểu biết không đầy đủ, cực đoan), tà kiến (hiểu không đúng, mê tín dị đoan...), kiến thủ (bảo thủ về ý kiến của mình), giới cấm thủ (làm theo lời răn cấm của tà giáo). 10 điều này đều có thể ở chính ngay trong con người và gây nên đau khổ, tuy nhiên Đức Phật nhấn mạnh đến 3 điều: Tham - Sân - Si, Phật giáo gọi là "Tam độc" là nguyên nhân chính của sự khổ đau.

- *Diệt đế*: Đức Phật chỉ ra kết quả an vui, hạnh phúc đạt được khi con người diệt trừ hết những nỗi khổ, muốn diệt khổ phải diệt tận gốc, đó là diệt cái nguyên nhân gây ra đau khổ.

- *Đạo đế*: là những phương pháp Đức Phật hướng dẫn để chúng sinh thực hành diệt khổ, được vui. Đây là phần quan trọng nhất trong Tứ diệu đế, vì khi biết rõ đau khổ, nguyên nhân của đau khổ, mong muốn được thoát khổ để đạt đến cảnh giới an vui nhưng nếu không có phương pháp hiệu nghiệm để thực hiện ý muốn ấy thì không giải quyết được vấn đề và càng thêm đau khổ. Do đó, Đạo đế đã được Đức Phật rất chú trọng, quan tâm để tùy căn cơ của chúng sinh mà phân tích cụ thể để hướng dẫn mọi người thực hiện cho phù hợp với bản thân mình.

Đạo đế có 37 phẩm chia làm 7 loại, đó là:

- Tứ niệm xứ (bốn điều mà người tu hành thường xuyên nghĩ đến): quán thân bất tịnh; quán tâm vô thường; quán pháp vô ngã; quán thọ thị khổ.

- Tứ chánh cần (bốn phép siêng năng chân chính để tinh tấn tu hành): tinh tấn ngăn ngừa những điều ác chưa phát sinh; tinh tấn dứt trừ những điều ác đã phát sinh; tinh tấn phát triển những điều lành chưa phát sinh; tinh tấn tiếp tục phát triển những điều lành đã phát sinh.

- Tứ như ý túc (bốn phép thiên định để việc tu hành được phát triển): Dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, nhất tâm như ý túc và quán như ý túc.

- Ngũ căn (năm điều căn bản giúp người tu hành đạt chính quả): Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn.

- Ngũ lực (năm năng lực để cùng ngũ căn giúp người tu hành đạt chính quả): Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực.

- Thất bồ đề phần (bảy pháp tu tập giúp người tu hành thành tựu đạo quả đại giác): Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, xả.

- Bát chính đạo (8 con đường chân chính hợp với chân lý Tứ đế để tiến tới đạo Niết bàn, thoát khỏi khổ đau, đó là: Chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tiến, chính niệm và chính định). Trong 37 nội dung trợ đạo như đã nói ở trên, Bát chính đạo được coi là pháp môn chính quan trọng nhất, nó phù hợp với mọi căn cơ, nhận thức, mọi thời đại và mọi người. Giá trị của Bát chính đạo là giúp người ta tu dưỡng thân tâm, cải thiện hoàn cảnh, thoát khỏi khổ đau, phiền não, bước lên con đường giải thoát, an vui, tự tại.

* Giáo luật

Giáo luật Phật giáo được Đức Phật chế ra xuất phát từ thực tế trong khi điều hành Tăng đoàn với những điều quy định, cấm nhằm duy trì tổ chức tăng đoàn, hướng mọi người tới chân - thiện - mỹ, phát triển hạnh từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha, biết làm lành lánh dữ để đạt tới giác ngộ và giải thoát. Cốt lõi của giáo luật Phật giáo là “Ngũ giới”

và “Thập thiện”.

- Ngũ giới là 5 giới cấm:

+ Không sát sinh;

+ Không nói sai sự thật;

+ Không tà dâm;

+ Không trộm cắp;

+ Không uống rượu.

- Thập thiện là mười điều thiện nên làm, trong đó:

+ Ba điều thiện về thân: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm;

+ Bốn điều thiện về khẩu: không nói dối, không nói hai chiều, không nói điều ác, không nói thêu dệt;

+ Ba điều thiện về ý: không tham lam, không giận dữ, không tà kiến.

Trên cơ sở của quy định Ngũ giới và Thập thiện, Phật giáo đã quy định chi tiết và cụ thể đối với từng loại xuất gia.

- Đối với hàng đệ tử xuất gia đã thụ giới Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni:

Theo Luật Tứ phần thì kinh Giới bản quy định:

+ Tỳ kheo phải giữ 250 giới.

+ Tỳ kheo Ni phải giữ 348 giới.

Theo Nam truyền Luật tạng thì:

+ Tỳ kheo phải giữ 227 giới

- Đối với hàng đệ tử xuất gia còn ở bậc Sa di phải giữ 10 giới. Ngoài ngũ giới như đã nói ở trên, người tu ở bậc Sa di còn phải giữ thêm 5 giới nữa là:

+ Không trang điểm, không bôi nước hoa hay xúc dầu thơm.

+ Không nằm giường đệm cao sang, giường rộng dùng cho hai người.

- + Không xem ca hát nhảy múa và cũng không được ca hát nhảy múa.
- + Không giữ vàng bạc.
- + Không ăn phi thời (quá giờ quy định).

Tăng Ni phải nương vào giới luật để làm mục thước sinh hoạt hàng ngày.

- Đối với Phật tử tại gia:

Sau khi thụ Tam quy (quy Phật, quy Pháp, quy Tăng) người Phật tử cần trì Ngũ giới để ngăn cấm những tướng niệm ác, hành động bất chính, gieo lòng từ bị, bình đẳng trong chúng sinh giúp họ được tiến trên con đường giải thoát, an lạc.

Ngoài ra người Phật tử tùy căn cơ, sở nguyện có thể thụ Bát quan trai giới (8 giới). Nội dung Bát quan trai giới gồm có Ngũ giới và thêm 3 điều quy định nữa:

- + Không trang điểm
- + Không dùng đồ sang trọng (giường cao rộng; không ca múa hát xướng và cũng không xem nghe ...).
- + Không ăn uống không đúng giờ.

- Đạo Phật cũng đưa ra những lời khuyên, hướng dẫn mọi người trong cách sống chung, tu hành cùng giữ trọn vẹn hòa khí, ví dụ như tinh thần Lục hòa (6 điều hòa hợp):

- + Thân hòa đồng trụ
- + Giới hòa đồng tu
- + Khẩu hòa vô tranh
- + Ý hòa đồng duyệt
- + Kiến hòa đồng giải
- + Lợi hòa đồng quân

Có thể nói, giáo luật của Phật giáo có

nhiều điểm tương đồng với truyền thống văn hoá của các dân tộc, đặc biệt là ở các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam. Giáo luật của Phật giáo đã có đóng góp không nhỏ vào việc điều chỉnh hành vi, hình thành nhân cách, đạo đức lối sống của một bộ phận đông đảo nhân dân Việt Nam.

* Lễ nghi

Lễ nghi của Phật giáo thể hiện sự trang nghiêm, tôn kính tới người sáng lập (Đức Tôn sư). Ban đầu, lễ nghi của Phật giáo khá đơn giản và đồng nhất, song cùng với quá trình phát triển, Phật giáo phân chia thành nhiều tông phái và du nhập vào các dân tộc khác nhau, hoà đồng cùng với tín ngưỡng của người dân bản địa, lễ nghi của Phật giáo dần có sự khác biệt giữa các khu vực, vùng miền...

Một số ngày lễ, kỷ niệm lớn trong năm của Phật giáo (tính theo ngày âm lịch):

- Tết Nguyên đán
- Rằm tháng giêng: lễ Thượng nguyên
- Ngày 08/02 : Đức Phật Thích Ca xuất gia
- Ngày 15/02: Đức Phật Thích Ca nhập Niết bàn
- Ngày 19/02: Khánh đản Đức Quán Thế Âm Bồ tát
- Ngày 21/02: Khánh đản Đức Phổ Hiền Bồ tát
- Ngày 16/3: Khánh đản Đức Chuẩn Đề Bồ tát
- Ngày 04/4: Khánh đản Đức Văn Thù Bồ tát
- Ngày 15/4: Đức Phật Thích Ca đản sinh
- Ngày 13/7: Khánh đản Đức Đại Thế Chí Bồ tát
- Ngày 14/7: Lễ Tự tứ
- Ngày 15/7 : Lễ Vu lan
- Ngày 30/7: Khánh đản Đức Địa Tạng Bồ tát
- Ngày 30/9: Khánh đản Đức Phật Dược sư

- Ngày 17/11: Khánh đản Đức Phật A Di Đà
 - Ngày 08/12: Đức Phật Thích Ca thành đạo
- Đối với Phật giáo Nam tông Khmer còn có một số ngày lễ theo truyền thống người Khmer, như:
- Ngày 13 - 15/4 dương lịch: Lễ mừng năm mới (CholChonam Thmây - Tết dân tộc của người Khmer);
 - Ngày 30/8 dương lịch: Lễ cúng ông bà tổ tiên (lễ Donta)...
 - Đầu tháng 9 hoặc tháng 10 âm lịch (sau khi kết thúc khoá hạ): Lễ dâng Y (hay lễ Dâng Bông);
 - Ngày 15/10 âm lịch: Lễ cúng trăng (Okcombok).

Với những giá trị đạo đức, văn hóa, tư tưởng hòa bình, đoàn kết, hữu nghị mà Phật giáo đóng góp cho xã hội, năm 1999, tại phiên họp thứ 54 Đại hội đồng Liên hợp quốc đã công nhận Đại lễ Phật đản, tên gọi theo truyền thống của Việt Nam (hay Đại lễ Vesak, Đại lễ Tam hợp Đức Phật - theo tên gọi quốc tế để kỷ niệm ngày Phật đản sinh, ngày Phật thành đạo và ngày Phật nhập Niết bàn) là lễ hội văn hoá - tôn giáo quốc tế của Liên hợp quốc. Lễ hội này được tổ chức hàng năm tại trụ sở Liên hợp quốc và các trung tâm Liên hợp quốc trên thế giới.

TỔ CHỨC CỦA PHẬT GIÁO

Phật giáo chủ trương không có giáo quyền, không công nhận thân quyền, không có tổ chức theo hệ thống thế giới. Ban đầu Phật giáo chỉ có những nhóm người cùng nhau đi truyền giáo, gọi là Tăng già hoặc Tăng đoàn hay Giáo đoàn. Tăng già có từ 4 người trở lên. Thành phần của đoàn thể Tăng già có thể bao gồm cả 2 chúng xuất gia và 2 chúng tại gia.

Đứng đầu đoàn thể Tăng già là một

vị Trưởng lão đạo cao đức trọng nhất trong đoàn thể được tập thể các sư suy tôn để quản lý, điều hành Tăng đoàn. Ngoài ra còn một số vị trong hàng Trưởng lão có đạo hạnh và tài năng đứng ra giúp việc.

Tuy nhiên, sau này trong quá trình du nhập và phát triển đến các quốc gia, Phật giáo đã theo tinh thần Khế lý - Khế cơ để có những hình thức tổ chức, sinh hoạt tăng đoàn cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cũng như truyền thống, văn hoá của mỗi nơi.

HỆ PHÁI, TÔNG PHÁI PHẬT GIÁO

* Hệ phái Phật giáo

Trong 49 năm thuyết pháp, Đức Phật đã tùy theo căn cơ, đối tượng người nghe; tùy vào từng vấn đề; tùy vào phạm vi thời gian, không gian, điều kiện, hoàn cảnh... mà thuyết giảng. Sau khi Phật nhập Niết bàn, các vị Bồ tát, Thánh tăng đã tổ chức 4 lần kết tập kinh điển để lưu truyền giáo lý của Phật về sau cho các hàng đệ tử có điều kiện tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu và thực hành.

- Kết tập kinh điển thứ nhất được tổ chức tại thành Vương Xá sau khi Phật nhập diệt 7 ngày (có sách nói là 3 tháng) tập trung vào việc các Đại đệ tử của Phật tụng hợp và tụng lại các phần Kinh – Luật – Luận, tuy nhiên kết tập kinh điển lần này chỉ là sự tổng hợp và truyền tụng lại cho nhau qua lời nói, chưa có điều kiện để lưu lại trên văn tự.

- Kết tập kinh điển thứ hai được tổ chức tại thành Tỳ Xá Ly sau khi Phật nhập diệt hơn 100 năm để luận giải kinh điển, thực hành giới luật và tranh luận về 10 điều luật mới một bộ phận Tỳ kheo trẻ đưa ra.

- Kết tập kinh điển lần thứ ba được tổ chức

tại Thành Hoa Thị sau khi Phật nhập diệt 236 năm và cho đến lúc này cả 3 tạng Kinh – Luật – Luận mới chính thức được ghi chép bằng văn tự Pa li vào các lá bối.

- Kết tập kinh điển lần thứ tư được tổ chức tại thành Ca Thập Di La sau khi Phật nhập diệt khoảng 600 năm. 3 tạng Kinh – Luật – Luận thời kỳ này đã được khắc bằng chữ Phạn vào các lá đồng dát mỏng rồi được lưu giữ tại một ngôi tháp lớn ở nước Kê Tân.

Sự phân chia hệ phái trong Phật giáo xuất hiện từ lần kết tập kinh điển thứ 2. Trong 10 điều luật mới một bộ phận tỳ kheo trẻ đưa ra và cho là hợp chính pháp, đó là: giáo diêm tịnh (được đem muối đựng trong sừng để bỏ vào các món ăn khi không đủ muối); lưỡng chỉ sao thực tịnh (bóng nắng quá ngọ 2 ngón tay vẫn được ăn); tỳ lạc gian tịnh (trước ngọ ăn rồi nhưng đến làng khác vẫn được phép ăn); trụ xứ tịnh (ở đâu thì làm lễ Bá tát ngay ở đấy); tùy ý tịnh (quyết nghị đã được Đại hội dù ít dù nhiều cho thông qua đều có giá trị thi hành); cửu trú tịnh (noi theo điều lệ, tập quán); sinh hoà hợp tịnh (được uống sữa pha nước sau giờ ngọ); thủy tịnh (rượu mới lên men được pha với nước uống trị bệnh); bất ích lữ Ni sư đàn tịnh (được dùng tọa cụ không viền, kích thước lớn hơn mẫu định); thụ súc kim ngân tiền định (được nhận tiền vàng bạc cúng dàng). Các vị tỳ kheo lớn tuổi không chấp nhận và cho đó là 10 điều phi pháp. Các vị tỳ kheo trẻ không chịu, tách ra thành lập một đoàn thể riêng với chủ trương hành đạo theo tinh thần "Khế lý - khế cơ", phù hợp với căn cơ, hoàn cảnh từng thời kỳ, từng vùng, miền của chúng sinh. Vì các vị chiêm số đông nên gọi là phái Đại chúng bộ. Các vị cao tăng với chủ trương giữ y giới luật như ngày Đức Phật còn tại thế, đa số là những người đạo cao, đức trọng nên gọi là phái Thượng toạ bộ.

Phái Thượng toạ bộ truyền sang phía Nam qua Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia nên gọi là hệ phái Phật giáo "Nam truyền" hay "Nam tông". Phái Thượng toạ bộ chủ trương tôn trọng lời truyền thừa và chủ trương tự độ, tự giác.

Phái Đại chúng truyền sang Trung Quốc rồi truyền vào Việt Nam và Triều Tiên, Nhật Bản ... được gọi là hệ phái Phật giáo "Bắc truyền" hay "Bắc tông". Phái này chủ trương linh động, khoan dung trong giới luật, không cố chấp vào từng chữ trong kinh để rút ra những bài học về triết lý thực hành với tinh thần nhập thế, phổ độ chúng sinh, làm cho chúng sinh cùng giác ngộ như mình, có nghĩa là: Tự độ, độ tha; Tự giác, giác tha.

* Tông phái Phật giáo

Cùng với sự phân chia hệ phái của Phật giáo và với cách tiếp cận, nhìn nhận khác nhau về giáo lý Phật giáo, với tinh thần khế lý - khế cơ, từ hai phái lớn của Phật giáo lại được phân thành nhiều tông phái khác nhau. Có thể nói, sự hình thành các tông phái không phải là sự phân liệt, tranh chấp trong Phật giáo về quyền lợi, địa vị của Tăng chúng, cũng không phải là sự phủ định lẫn nhau mà đây chính là sự phát triển làm cho Phật giáo trở nên vững chắc.

Trước đây, Phật giáo có nhiều tông phái, sau này phân nhiều các tông phái có cùng khuynh hướng sát nhập lại với nhau, còn lại 10 tông phái:

1. Câu Xá tông
2. Thành Thật tông
3. Tam Luận tông
4. Pháp Tướng tông
5. Thiên Thai tông
6. Hoa Nghiêm tông

7. Luật tông
8. Thiên tông
9. Tịnh độ tông
10. Mật tông

Chín tông phái (từ 1 đến 9) thuộc loại bộ Hiền giáo. Trong Hiền giáo lại được chia ra Nam tông (1,2) và Bắc tông (từ 3 đến 9). Hiền giáo là thứ giáo lý có thể dùng ngôn ngữ để phát biểu, diễn đạt được. Hiền giáo là do Báo thân và Ứng thân Phật thuyết pháp.

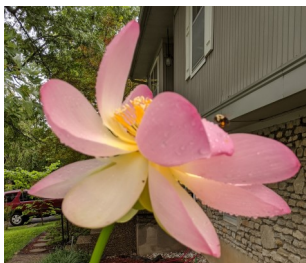
Đôi với Mật tông thuộc loại bộ Mật giáo, là thứ giáo lý không thể dùng ngôn ngữ diễn đạt. Mật giáo là do Pháp thân Phật thuyết pháp, do đó giáo phái này còn được gọi là Chân Ngôn hay Chân Ngôn tông.

(Còn tiếp theo)



ĐÔI MẮT TUỆ SỸ

Tâm Nhiên



*Như Long Tượng mắt mở tròng sáng rực
 Một hôm gắm sấm dậy khắp nhân gian
 Làm chấn động cả sơn hà đại địa
 Rền ngân vang tận rú thăm non ngàn*

*Đôi mắt ấy cháy ngời xanh ánh lửa
 Thiêu rụi tàn ngàn bóng tối u minh
 Vô lượng quang sáng bừng lên trí tuệ
 Đại bi tâm hàm dung chứa bao tình*

*Đôi mắt đỏ tràm sâu màu đáy biển
 Hòa chan nhau máu lệ nỗi đau đời
 Từ nhân thị chúng sinh đầy thương cảm
 Mà đọa đày trong cuộc lữ chao ơi !*

*Ôi đôi mắt lạnh nhìn xuyên tam thế
 Cõi tồn lưu huyền mộng khói sương long
 Lòng trắng hiện giữa đêm dài sinh tử
 Thông tay vào phố chợ bước dung thông*



HT. Thích Tuệ Sỹ

Cái chết chỉ là ảo ảnh?

Tác giả: Chris Ford Phương Phái biên tập- Xuân Hoàng biên dịch



Ảnh chụp tiến sĩ Robert Lanza vào năm 2006.
(Ảnh: Alex Wong/Getty Images)

Mất đi người thân là điều đau đớn đối với mọi người, nhưng bạn có bao giờ nghĩ, nếu họ không thực sự chết thì sao?

Một nhà khoa học nổi tiếng đã chỉ ra rằng cái chết của con người không phải điểm cuối của sinh mệnh. Đồng thời, một nhà giải phẫu thần kinh nổi tiếng sau khi trải qua trải nghiệm cận tử cũng khẳng định rằng “có sự sống đằng sau cái chết”.

Người phương Đông cổ đại thì tin rằng con người không chỉ có một đời, và đến nay quan điểm này cũng đã bắt đầu phổ biến

trong giới khoa học. Vậy cái chết có thực sự chỉ là một ảo ảnh?

Tiến sĩ Robert Lanza từng được tạp chí TIME bình chọn là một trong “100 người có ảnh hưởng nhất trên thế giới” vào năm 2014. Ông tin rằng cái chết là một điều hư ảo hơn là thực tế. Ông Lanza là Trưởng khoa Y học Tái sinh Toàn cầu của Astellas, và là Giám đốc Khoa học của Viện Y học Tái sinh Astellas. Ông cũng là giáo sư trợ giảng tại Trường Y – Đại học Wake Forest.

Tiến sĩ Lanza nói rằng, ngay cả khi nhục thể bị phân hủy khi chết, chúng ta vẫn tồn tại ở dạng “20 watt năng lượng”, “Mặc dù cơ thể của cá nhân chắc chắn sẽ bị hủy hoại, nhưng vẫn đang có cảm giác ‘Tôi là ai?’, giống như một đài phun năng lượng 20 watt đang hoạt động ở trong não”.

Một số người có thể sẽ nói rằng, năng lượng này sẽ biến mất sau khi người ta chết. Tuy nhiên, ông Lanza nhấn mạnh rằng quy luật của vũ trụ là “bảo toàn năng lượng”, “Chủng năng lượng này không hề biến mất cùng với cái chết. Một trong những tiên đề chắc chắn nhất của khoa học là năng lượng vĩnh viễn không tiêu vong, không tự nhiên sinh ra và cũng không tự nhiên mất đi”. Ông nói tiếp, “chỉ là chủng năng lượng này phải chăng đã đi từ thế giới này sang thế giới khác?”

Tiến sĩ Lanza đã viết hơn 30 cuốn sách và

xuất bản hàng trăm bài báo khoa học. Ông đã đề xuất một lý thuyết khoa học mới gọi là “Thuyết trung tâm sinh học” (Biocentrism), trong đó khái niệm “đa vũ trụ” (multiverse) của cũng tương tự như lý luận về “vũ trụ song song”. Ông viết: “Có vô số vũ trụ mà ở đó bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra. Trong những tình huống này, cái chết không thực sự tồn tại”.

Vậy phải chăng điều này có nghĩa là trải nghiệm cận tử mà rất nhiều người từng trải qua có thể là thật? Có lẽ ý thức về “tôi là ai” chính là điều được gọi là “linh hồn”? Trải nghiệm cận tử của một bác sĩ phẫu thuật thần kinh nổi tiếng đã thuyết minh rất rõ về vấn đề này.

“Hành trình đến thiên đường” của một nhà thần kinh học

Tiến sĩ Eben Alexander là một nhà giải phẫu thần kinh trứ danh được đào tạo tại Trường Y Harvard, và từng giảng dạy tại Đại học Duke, Harvard, Massachusetts và Trường Y thuộc Đại học Virginia. Vào một buổi sáng năm 2008, ông thức dậy với cơn đau quặn thắt ở đầu và ngã quy xuống. Trong vài giờ sau đó, ông đã ở trên bờ vực của cái chết.

Khi gia đình đưa ông đến bệnh viện, ông đã ở trong trạng thái hôn mê, và được chẩn đoán là bệnh viêm màng não do vi khuẩn đã ăn mòn toàn bộ não. Các bác sĩ nói với vợ của ông rằng thiết bị y tế đã hoàn toàn không đo được hoạt động não của ông, và ông chỉ có 2% cơ hội sống sót. Tuy nhiên, trước sự ngạc nhiên của mọi người, một tuần sau, ông Alexander đã tỉnh dậy một cách kỳ diệu.

Là một nhà khoa học, ông chưa bao giờ nghĩ

rằng còn có một “thế giới khác” tồn tại, nhưng trong khi hôn mê sâu ông lại tỉnh táo bước vào một “thế giới khác”, tự thân trải nghiệm những gì bản thân từng coi là “ảo giác” và “tưởng tượng”.

Tiến sĩ Alexander kể lại rằng, trước tiên ông đi qua một đường hầm u tối, sau đó, “âm thanh quay cuồng và ánh sáng trắng đã cứu tôi ra khỏi đó. Nó ngày càng tiến đến tôi gần hơn, đó thực sự là một thế giới đã mở ra ở xung quanh tôi”.

Ý thức của ông được gắn vào đôi cánh của một con bướm khổng lồ. Lúc này một tiên nữ xinh đẹp với đôi mắt xanh đen tươi cười hiện ra, “bay” cùng ông, dẫn ông vào một “thế giới mới tràn đầy sức sống”.

“Đó là một thung lũng đầy cây cỏ xanh như ngọc bích, với những thác nước chảy xuống trong như pha lê, những đám mây kẹo bông màu hồng và trắng lơ lửng trên bầu trời xanh thẫm”, ông mô tả, “Có cây cối, đồng cỏ, động vật, cũng có người, nước và mưa. Mây bay lên từ mặt nước gợn sóng, dưới nước còn có cá cá”. Ông còn đối mặt với một vị Thần khổng lồ, và cả không gian rung chuyển khi vị Thần đó nói...

Tiên nữ không hề nói chuyện với ông, nhưng bằng cách nhìn vào ánh mắt ông vẫn hiểu điều cô ấy nói. “Cô ấy nói, “Chúa yêu bạn và trân trọng bạn mãi mãi. Bạn không làm gì sai cả””.

“Tôi nhớ cô ấy nói với tôi rằng ‘chúng tôi sẽ dạy bạn rất nhiều thứ, nhưng bạn sẽ cần trở lại’”. Trước khi trở về với cơ thể của mình, ông Alexander nhớ lại, cô đã nói với ông rằng, “Tất cả đều ổn, đừng lo lắng”.

Trước khi ông tỉnh dậy, các bác sĩ nói với gia đình ông rằng đã đến lúc để ông ấy đi

roi. Cậu con trai 10 tuổi của ông khi nghe thấy vậy liền chạy đến bên giường của cha để nâng mí mắt ông lên và nói: “Bố, bố sẽ ổn thôi”.

Tiến sĩ Alexander nhớ lại, “Xuyên qua thiên giới rộng lớn đó, tôi cảm nhận rõ ràng sự hiện diện của nó... Tôi bắt đầu tỉnh lại”. Sau vài tuần, ông Alexander đã bình phục hoàn toàn, đối với một người đã “chết não” trong vòng một tuần, đây quả là một điều kỳ diệu. Con trai cả của ông nói rằng khi ông thức dậy, “ông ấy suy nghĩ rõ ràng hơn, tập trung hơn bao giờ hết, như thể có một ánh sáng lấp lánh trong cơ thể”.

Lấy lại niềm tin vào Chúa

Tiến sĩ Alexander được nhận nuôi trong một gia đình nơi cha nuôi của ông cũng là một bác sĩ giải phẫu thần kinh nổi tiếng. Vài tháng sau khi tỉnh dậy, ông nhận được email từ chị gái ruột của mình, Kathy, với một bức ảnh của người em gái ruột quá cố của ông, Betsy. Nhìn thấy ảnh của cô ấy, ông nhận ra ngay, đó chính là vị tiên nữ ở “thế giới bên kia”.

“Thật là khiến người ta kinh ngạc”, ông nói, “Tôi không cách nào mô tả trải nghiệm đó chân động như thế nào, không thể nhầm lẫn được, đó là cô ấy”. Ông cũng biết rằng Betsy thường nhận nuôi những chú mèo và chó hoang trong suốt cuộc đời của mình, cô ấy rất tốt bụng.

Mặc dù Alexander bị ảnh hưởng sâu sắc từ cha nuôi và cải sang đạo Tin lành, nhưng vào năm 2000, cha mẹ ruột của ông đã từ chối gặp ông vì họ vừa mất con gái. Cảm xúc thất vọng khi đó đã khiến ông bắt đầu phủ nhận sự tồn tại của Chúa bằng “khoa học”, mãi cho đến 8 năm sau, khi ông tỉnh

dậy cùng với “những ký ức sâu sắc và chi tiết về hành trình lên thiên đường”.

Ông Alexander đã ghi lại “chuyến đi” với khoảng thời gian sáu tuần của mình trong cuốn sách bán chạy nhất trên New York Times vào năm 2012, “Bằng chứng của thiên đường” (Proof of Heaven).

Khi làm khách mời trong chương trình trò chuyện của Oprah Winfrey, ông cảm khái nói rằng: “Trên thế gian này chắc chắn có Chúa tồn tại, điều này sâu sắc hơn nhiều so với những gì tôi nghĩ trước đây. Tôi sẽ không bao giờ nghi ngờ nữa”.

Siêu việt khoa học

Một số người trong giới y học đã đặt câu hỏi về tính xác thực trong trải nghiệm của ông Alexander, cho rằng việc người ta trải qua ảo giác khi hôn mê và dùng thuốc trị liệu là điều “bình thường”. Nhưng Tiến sĩ Alexander, một chuyên gia về não bộ lâm sàng, nhấn mạnh rằng bệnh viêm màng não do vi khuẩn đã ăn mòn toàn bộ vỏ não của ông, bao gồm tất cả các khu vực kiểm soát thị lực, suy nghĩ, trí tưởng tượng và giấc mơ. Ông cũng đưa ra 9 giả thuyết y học về trải nghiệm của mình và thảo luận nó với các đồng nghiệp, “Nhưng tôi bắt đầu nhận ra rằng hoạt động của não bộ căn bản không thể giải thích được tại sao trải nghiệm này lại chân thực như vậy? Là bởi vì nó vốn dĩ là điều chân thực”. Nói cách khác, chuyến du hành chậm rãi và thần kỳ này không phải là hoạt động thể chất của não bộ.

Ông Alexander nói: “Tôi cảm thấy mình hiện tại là một nhà trị liệu tốt hơn, thực sự có thể giúp đỡ những người mắc những căn bệnh khó trị nhất và tình trạng lúc cuối đời. Bởi vì tôi nhìn thấy một bức tranh rộng lớn

hơn về linh hồn, nhìn thấy cách họ bắt đầu một cuộc hành trình tiếp theo của sinh mệnh”.

Trải nghiệm của Tiên sĩ Alexander chỉ là một ví dụ trong vô số “trải nghiệm cận tử”. Một số người tin rằng trải nghiệm cận tử là có thật, còn một số thì không tin. Nhưng dù thế nào, có một điều chắc chắn là: Trên thế giới này có rất nhiều điều vượt xa phạm vi của khoa học hiện tại, hy vọng rằng trong một tương lai không xa, những điều như vậy sẽ không còn là bí ẩn đối với nhân loại.

Tác giả: Chris Ford

Phương Phái biên tập

Xuân Hoàng biên dịch

Quý vị tham khảo bản gốc từ Epoch Times

Hoa ngữ

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Chiếc Lu Vô Tận

Xưa, có một chú tiều phu cần cù chất phác rất tốt bụng và nghèo ơi là nghèo.

Bụt thương tình, ban cho chàng một chiếc lu kỳ diệu. Sau khi chỉ dẫn cách sử dụng cái lu cho chú tiều, Bụt biến dạng sau một đám mây lành.

Chú tiều mừng lắm, mang chiếc lu về giấu trong buồng và bỏ vào đó một đồng tiền nhỏ, số tiền bán củi độc nhất trong ngày.

Sáng hôm sau, chú lấy đồng tiền ấy ra mua gạo thì một đồng tiền khác xuất hiện ở đáy lu. Những đồng tiền không bao giờ chấm dứt và

nhờ vậy cuộc sống của chú dễ thở hơn, dù mỗi ngày, chú chỉ xin cái lu vồn vện có một đồng tiền.

“Không nên lạm dụng lòng tốt của Bụt,” chú tiều thật thà nghĩ và làm thế.

Những tưởng chỉ có chú tiều và Bụt biết chuyện cái lu, nào ngờ “nhà có ngạch, vách có tai,” câu chuyện kỳ diệu này lan truyền khắp nơi và đến tai ông bá hộ trong vùng.

Vói uy quyền sẵn có, ông phú hộ đoạt cái lu của chú tiều một cách dễ dàng. Ông cho dấu chiếc lu trong phòng kín và hội hả gom góp vàng bạc đang trữ giấu rải rác về để trút hết vào lu.

Trong lúc ông bà phú hộ đang vội vã vận tải vàng bạc vào phòng thì cậu ấm Tèo, đứa con trai cứng độc nhất của họ đang nô đùa với bạn bè. Bọn trẻ đang chơi trò đi trốn đi tìm... Và cu Tèo chợt khám phá ra chiếc lu là một chỗ núp tuyệt diệu, thẳng bé liền chui tọt vào lu.

Nhưng vào thì dễ... ra mới khó... Mãn cuộc chơi, Tèo vẫn chưa ra khỏi chiếc lu. Cu cậu la khóc âm ỉ.

Nghe tiếng con khóc bà phú hộ vội chạy đến bên cái lu và nhất bồng thẳng bé ra. Vừa đặt cậu con xuống đất, bà lại thấy thêm một thằng cu nữa, giống hệt thằng trước đứng trong lu la khóc inh ỏi...

Và cứ thế, mãi đến lúc bà nhắc thằng cu thứ 100 ra thì cái lu, sau cái đập chân quá mạnh của thằng bé, vỡ đôi. Sự kỳ diệu liền chấm dứt.

Từ ngày đó, ông bà phú hộ vì phải nuôi đến 100 cậu quý tử giống nhau như tạc, nghịch ngợm và đòi ăn suốt ngày nên họ trở thành sa sút, nghèo nàn khổ sở còn hơn là anh chàng tiều phu nọ. /-

Phật Giáo Hoa Kỳ

Thích Nữ Thông Tiên

Nhiều người Mỹ cho rằng Thiên là một thực tập của Phật giáo mà không cần nghi thức lễ bái, và dĩ nhiên điều đó không đúng. Lúc đầu, nhiều sách viết về Thiên đã giới thiệu cho người Mỹ về cách thực tập thiền và họ xem Thiên tập như là triết học, lối sống hơn là truyền thống tôn giáo.

Phật giáo – Từ xa lạ kỳ thú đến gần gũi, thực tế

Là một vùng đất mới (Tân thế giới- như cách gọi của nhà thám hiểm Colombus khi phát hiện ra Châu Mỹ vào thế kỷ XV), Hoa Kỳ chịu ảnh hưởng tôn giáo của các vương triều thực dân Công giáo Châu Âu (Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha). Chính Columbus đã mang Thập tự giá đặt lên vùng đất mới (bây giờ là Bahama, một nước cộng hòa trong vùng Caribe) khi họ lần đầu tiên đặt chân lên Tân thế giới. Công giáo Châu Âu đã theo chân những nhà thực dân Châu Âu bám rễ vào Châu Mỹ nói chung và Hoa Kỳ nói riêng. Sau này (những năm đầu tiên của thế kỷ XVII), cũng chính những người Thanh giáo Anh vì bất mãn với giáo hội Công giáo Anh, rời quê hương (Vương Quốc Anh) mang tinh thần tự do tôn giáo đến vùng đất mới (vùng New England gồm sáu tiểu bang ở Đông Bắc Hoa Kỳ ngày nay, là cái nôi cho việc tiến hành lập quốc của Hoa Kỳ sau này) để an cư lạc nghiệp. Chính tinh thần cởi mở, mong muốn tự do tôn giáo của những người ly hương đến vùng đất mới, sau này đã tạo điều kiện cho nhiều tôn giáo khác, trong đó có Phật giáo phát triển trên đất nước nhiều sắc tộc này, và hiện nay Phật giáo là tôn giáo đang phát triển nhanh nhất tại Hoa Kỳ.

Ngày Chủ nhật, gần giờ trưa, ở thành phố náo nhiệt Los Angeles, tiểu bang California, chuông trống Bát Nhã vang lên từ ngôi chùa xưa nhất của Phật giáo trên đất Mỹ, chùa BCA (Buddhist Churches of America) của người Nhật. Thời tụng kinh ngân nga và những bài thuyết pháp gọi cho Richa Hughes Seager (tác giả cuốn sách *Buddhism in America-Phật giáo ở Hoa Kỳ*) liên tưởng tới những nhà thờ Tin Lành ở Hoa Kỳ. Qua cách thức và thời gian của buổi lễ, chứng tỏ rằng BCA cũng phải biến hóa để thích nghi với dòng chảy xã hội Hoa Kỳ. Sau hơn một trăm năm trên đất nước Hoa Kỳ, BCA đã xoay sở với sự Mỹ hóa mà hầu hết các tôn giáo và cộng đồng sắc tộc phải đối mặt. Seager nói rằng, một người quan sát bình thường nhất cũng có thể thấy sự khác biệt rõ rệt của một ngôi chùa với nhà thờ Tin Lành, đó chính là bàn thờ Phật linh thiêng ngay giữa chánh điện. Ngoài tụng kinh, thuyết pháp, cúng hương linh, BCA cũng như các chùa khác còn tổ chức các buổi mừng sinh nhật cho các thanh thiếu niên sinh hoạt tại chùa. Không khí thân thuộc, thoải mái không mang tính thần học, giáo điều, ép buộc. Đó cũng là cảm nhận chung của người Mỹ về Phật giáo chứ không riêng gì của Seager.

Đây hình như cũng là cảm nhận chung của phương Tây về Phật giáo, có chút khác biệt về cách cảm nhận của người phương Đông. Dĩ nhiên, nền văn minh phương Đông là cái nôi của Phật giáo. Phật giáo được người phương Đông đặc biệt tôn sùng, linh thiêng hóa và Phật tử rất thuần thân, mộ đạo. Thậm chí nhiều người đến với Phật giáo chỉ để bái lạy, cầu xin phước, lộc, tài, danh, ... chứ

không xem pháp của Phật là một phương pháp để chuyên hóa tâm thức như cách tiếp cận của người phương Tây đối với Phật giáo. Nhưng trải qua hơn hai thiên niên kỷ, chính người châu Á đã diễn giải Phật giáo dưới nhiều góc độ khác nhau. Nhiều người còn hiểu sai lệch. Thậm chí, người ta còn tiếp thu méo mó tư tưởng “*tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, là tinh thần của những trật tự không có tinh thần, tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân*” của Karl Marx để bài xích tôn giáo và đề cao lối sống không có tâm linh. Giá trị nhân văn, giải thoát, giá trị giáo dục tâm linh hướng thượng của Phật giáo bị một số người nơi cái nôi văn minh phương Đông hiểu lệch lạc, méo mó. Ngược lại, phương Tây tiếp thu Phật giáo muộn màng sau hơn phương Đông hai thiên niên kỷ, lại có cái nhìn tích cực hơn về Phật giáo và ứng dụng giá trị giáo dục chuyên hóa của Phật giáo thực tiễn hơn.

Giống như BCA, hầu hết 99% các chùa ở Mỹ đều tổ chức các buổi lễ vào chủ nhật, từ lễ tụng kinh hằng tuần, giỗ kỵ, ma chay cho thân nhân của Phật tử, cho đến các Đại lễ như Vu Lan, Phật Đản đều phải tổ chức vào ngày Chủ Nhật, vì ngày các ngày khác trong tuần, mọi người đều đi làm, không tham gia được. Hai ngày Sóc, Vọng (Rằm, Mồng Một) hầu như ít được nghe nhắc đến ở Mỹ, riết rồi người ta cũng không nhớ đến lịch của dân tộc mình, tất cả đều phải vận hành theo cuộc sống mới, và lịch làm việc đương nhiên cũng phải theo.

Chiều Chủ nhật cùng ngày, sau khi đã ở chùa BCA, tôi về, nhóm cư sỹ người Nhật tập trung tại phòng khách của một nhà Phật tử, thực tập thiền, cũng bàn thờ Phật chính giữa, cũng xướng tụng đánh lễ Tam Bảo, rồi tự mình ngồi thiền, không có sự hướng dẫn

của người xuất gia. Hàng triệu người Mỹ, không hiểu biết nhiều về Phật giáo, quá quen thuộc với lối thực tập thiền này của người Nhật (Zen).

Ngoài Zen của người Nhật, người Hoa Kỳ tiếp nhận nhiều truyền thống thiền tập khác nhau đến từ Châu Á. Hiện nay nhiều trung tâm thiền tập do chính người Mỹ lập ra, nhiều trường đại học ở Hoa Kỳ đưa thiền tập ứng dụng cho sinh viên tham gia, và nhiều bệnh viện Mỹ ứng dụng Thiền trị liệu để chữa bệnh cho bệnh nhân. Một trong những trung tâm nổi tiếng mà tình cờ tôi được biết đó là Trung Tâm Chánh Niệm (Center For Mindfulness) của Đại học Y Dược và Bệnh viện Umass Memorial (Tiểu bang Massachusetts). Đây cũng là địa chỉ được giới thiệu nhiều trong các sách giáo khoa của các chuyên ngành liên quan cho sinh viên. Ngoài việc ứng dụng Thiền trị liệu cho bệnh nhân, CFM mở các khóa thiền chánh niệm (Quán sô tức-Chánh niệm hơi thở, Thiền tâm từ,...) miễn phí hằng tuần cho mọi đối tượng bên cạnh các khóa thu lệ phí. Sinh viên Y khoa được khuyến khích tham gia bằng cách giảm lệ phí. Đặc biệt, trung tâm CFM có các khóa đào tạo chuyên viên ứng dụng Thiền trị liệu và cấp bằng hẳn hoi với học phí từ vài ngàn USD lên đến mười mấy ngàn USD/ khóa. Sau khi được cấp bằng, chuyên viên đó đủ tiêu chuẩn để đảm trách các chương trình huấn luyện và trị liệu hợp tác Umass và các bên trên khắp thế giới.

Muôn màu muôn sắc Phật giáo tại Hoa Kỳ

Nhiều người Mỹ cho rằng Thiền là một thực tập của Phật giáo mà không cần nghi thức lễ bái, và dĩ nhiên điều đó không đúng. Lúc đầu, nhiều sách viết về Thiền đã giới thiệu cho người Mỹ về cách thực tập thiền và họ xem Thiền tập như là triết học, lối sống hơn

là truyền thống tôn giáo.

Nói về Thiền thì ở Hoa Kỳ cũng như các nước khác, có rất nhiều truyền thống và cách thức thiền tập khác nhau. Không phải là cứ ngồi tréo chân, nhắm mắt hoặc dán mắt vô tường mới là thiền. Chính phương pháp Thiền Chánh Niệm đơn giản, có thể thực tập mọi lúc mọi nơi (như chú ý cử chỉ và sự di chuyển của tay chân, động niệm của tâm) đã giúp cân bằng cuộc sống của nhiều người Mỹ.

Bên cạnh Zen của Nhật, người Mỹ cũng thực tập thiền Mật Tông Tây Tạng, khó hơn và phức tạp hơn. Cho dù hành thiền trong một trung tâm Phật học sang trọng ở tiểu bang Vermont, hay trong một túp lều tịnh tu, hay ở trên núi, hay trong một căn phòng hội nghị thuê trong khách sạn hay thực tập ở nhà, đều phải đòi hỏi sự kiên trì, nhẫn nại và phải thực tập trong nhiều năm.

Thiền Vipassana (Thiền Minh Sát Tuệ-Thiền Quán) theo truyền thống Theravada cũng được người Mỹ hưởng ứng. Thiền sư Mahasi của Myanmar có ảnh hưởng rất lớn đến sự hành trì, thực tập Thiền Quán Vipassana ở Hoa Kỳ những thập niên cuối của thế kỷ XX. Trung tâm thiền Insight Meditation Society do học trò của Thiền sư Mahasi lập vào năm 1975 có ảnh hưởng lớn đến phong trào thiền tập ở Hoa Kỳ.

Trong nỗ lực Mỹ Hóa Phật pháp, một số Phật tử Hoa Kỳ (cải đạo từ tôn giáo truyền thống) cố gắng tách thiền tập ra khỏi nghi lễ bái sám (như truyền thống Phật giáo Châu Á), và xem nghi lễ bái tụng là một yếu tố không cần thiết của văn hóa Châu Á. Một số người khác, vẫn duy trì và thực tập theo.

Bên cạnh phong trào thiền tập của các

truyền thống trên, Phật giáo Việt Nam, Hàn Quốc, Tích Lan, Campuchia...cũng phát triển nhanh chóng. Trước thế kỷ XIX, đa số Phật tử là người Hoa, nhưng đến 50 năm đầu của thế kỷ XX, trên đất nước Hoa Kỳ, Phật giáo của người Nhật chiếm ưu thế, 50 năm sau của thế kỷ XX lại là giai đoạn phát triển của Phật giáo nhập cư của luồng di dân tỵ nạn đến từ các nước châu Á khác (trong đó có Việt Nam).

Một ngày nọ, Seager đến thăm một tu viện ở California (có lẽ là một ngôi chùa theo truyền thống Nam Tông-người Việt). Một nhóm Phật tử, dân nhập cư Châu Á có, Phật tử người bản địa cải đạo có, sau khi tụng kinh sáng xong, xúm xít trong nhà bếp, chuẩn bị thức ăn sáng cho các sư, dâng cơm cho quý sư dùng bữa xong rồi, Phật tử cũng dùng cơm, rồi thầy trò làm lễ, tụng kinh, thuyết pháp. Hầu như cách thức sinh hoạt của chùa đều được Seager quan sát tỷ mỉ, từ việc lay Phật sát đất, tụng kinh, nấu nướng, dâng thức ăn cho quý sư. Seager đi khảo sát nhiều và tìm hiểu Phật giáo nhiều, thấy hàng cư sỹ đến chùa tu học, làm việc công quả, phụ giúp hàng ngũ xuất gia vận hành ngôi chùa, với ông, đó là điều tất nhiên như con chiên thì phải đi nhà thờ ngày Chủ Nhật.

Bản thân những người xuất gia từ nhỏ sống trong cửa chùa, cho dù đi bất cứ nơi đâu, cũng vẫn sống sau cánh cửa chùa nên khung cảnh thiền môn đã là nhà mình, như cá ở trong nước, như chim trong rừng, không có gì xa lạ. Cũng vậy, một ngôi chùa trên đất Mỹ, cũng như ngôi chùa trên bất kỳ đất nước nào khác, sáng sớm sẽ là hoặc tụng kinh, hoặc ngồi thiền, rồi sinh hoạt, làm việc chùa, rồi đám tang, đám giỗ, rồi việc nọ việc kia, rồi tụng kinh tối, ... Chưa kể các ngôi chùa Bắc Tông phải tự túc làm kinh tế để trang trải bill bông như bao nhiêu người chủ

của những ngôi nhà khác trên xứ sở bận rộn này.

Đó là một ngày bình thường và một lối sinh hoạt bình thường, nhưng với một người Mỹ như Seager, một ngày quan sát cách thức sinh hoạt chốn cửa chùa mang đến cho ông nhiều điều thú vị, khác lạ và không khỏi so sánh với cách thức của các nhà thờ tôn giáo truyền thống của ông. Cũng may khi đi khảo sát thực tế để viết sách về Phật giáo, ông chỉ đến những chùa lớn và quan sát cận kề những ngôi chùa ‘tiêu biểu’ người ta giới thiệu cho ông, nên cách tiếp cận Phật giáo của ông cũng ‘tiêu biểu’ đúng ‘chuẩn’ như đầu óc người phương Tây nhìn nhận về Phật giáo.

Trong cách nghĩ và qua quan sát của Seager, người xuất gia chỉ biết lo tu tập và hướng dẫn cuộc sống tâm linh, người cư sĩ thì làm đúng bổn phận của người Phật tử tại gia-hộ trì Phật pháp, hỗ trợ mọi mặt nhu cầu vật chất cho hàng xuất gia. Đó chỉ là truyền thống trong kinh luật Phật giáo được Đức Phật chỉ dạy và ngày nay chỉ duy trì ở các ngôi chùa theo truyền thống Nam Tông. Bắc Tông đã “cách tân” hơi nhiều theo tinh thần tùy duyên bất biến và tinh thần Phật giáo nhập thế, ‘một ngày không làm là một ngày không ăn’. Quả đó là một cái nhìn hơi phiến diện khi nhìn nhận về Phật giáo ở xứ Hoa Kỳ này, khi mà, bao nhiêu người xuất gia nhập cư phải cố gắng trăm ngàn lần để bươn chải nơi xứ người, vừa phải duy trì cuộc sống cơ bản ổn định, vừa phải giữ chiếc áo người tu để làm đạo trên đất khách quê người. Đó là chưa nói đến những thử thách khác về tinh thần. Nói như vậy để thấy rằng, các thế hệ cha ông chúng ta, những người đi tiên phong, đã vất vả biết chừng nào mới cảm được ngọn cờ Phật giáo trên xứ sở cờ hoa này, để thấy rằng sự hy sinh mở đường

của các Ngài là quá lớn, cho dù họ là những vị danh tăng tài ba lỗi lạc từ Việt Nam, Myanmar, Tích Lan, hay những cư sĩ từ Nhật, hay những thuyền nhân vượt biển, đến những người tỵ nạn chiến tranh, những di dân tự do. Tất cả họ đã cố gắng duy trì truyền thống Phật giáo mà họ mang theo đến xứ sở này, để rồi hôm nay, trên đất nước Hoa Kỳ, khi nói đến Phật giáo, người ta vẫn dành cho Phật giáo và những người con Phật, tại gia cũng như xuất gia những cảm tình, thiện chí và mến mộ.

Phân loại Phật tử tại Hoa Kỳ

Ngày nay, có rất nhiều người Mỹ theo Đạo Phật, nhưng cũng có nhiều người Mỹ khác còn xa lạ với Phật giáo và coi đó là một tôn giáo và một lối thực hành của một nhóm người nước ngoài xa lạ. Nhưng cho dù như thế nào, Phật giáo cũng là một phần không thể thiếu trong sự đa dạng văn hóa và đa tôn giáo của xã hội Mỹ. Dưới góc độ lịch sử, Phật giáo Hoa Kỳ đã đánh dấu một bước chuyển thời đại: Một tôn giáo lớn của Châu Á đã được truyền vào phương Tây.

Trong vòng bốn trăm năm, các nhà truyền giáo phương Tây, các nhà thám hiểm, học giả, các nhà tìm kiếm đã thăm dò lòng sục châu Á, thắc mắc tò mò về Phật giáo và đã nghiên cứu Phật giáo. Một số ít xuất gia thực hành theo Phật giáo. Nên tảng cho sự truyền bá Phật giáo qua Châu Mỹ đã được chuẩn bị trong nhiều thập niên bởi nhiều người nhưng Phật giáo trở thành một yếu tố quan trọng của tôn giáo Hoa Kỳ thì chỉ mới phát triển gần đây thôi.

Nhưng Phật giáo Hoa Kỳ là gì? Suốt những năm 1980-1990, nhiều người Mỹ còn tranh cãi nhau Phật giáo ở Mỹ là Phật giáo gì và họ muốn nó như thế nào. Cuối cùng họ có rất

nhiều ý kiến khác nhau chứ không đơn thuần là chỉ một câu trả lời về việc tạo lập một nền Phật giáo mang sắc thái Hoa Kỳ. Phật tử Hoa Kỳ là ai? Câu hỏi này chỉ có thể trả lời chung chung, bởi vì không có Phật tử đúng nghĩa ở Mỹ. Phật tử ở đây rất đa dạng về sắc tộc, nguồn gốc văn hóa, ngành nghề. Một số người Mỹ rất ý thức và tự hào, tự nhận mình là Phật tử, một số khác thì nghĩ rằng mình là Phật tử theo kiểu ‘ngoại giao’ giao lưu văn hóa.

Nếu từ góc nhìn khác, có thể ‘phân loại’ Phật tử ở Hoa Kỳ ra thành ba:

Một là *Phật tử người bản địa* (trong khoảng thời gian 50 năm trở lại đây, cải đạo sang đạo Phật). Họ là một phần của phong trào xã hội rộng lớn bắt đầu từ những năm 1940, 1950 tiếp tục cho đến cuối thế kỷ XX. Họ còn được gọi là Phật tử cải đạo, Phật tử người Tây, Phật tử da trắng, nhưng thật tế họ bao gồm cả người châu Phi, châu Á và người Mỹ bản địa.

Nhóm thứ hai là *Phật tử nhập cư*, tỵ nạn từ những nước châu Á. Sự phát triển của nhóm Phật tử này liên quan đến sự cải cách của Luật nhập cư Mỹ trong những năm 1960. Năm 1965, chính phủ Mỹ thông qua luật nhập cư sửa đổi, dẫn đến sự tăng vọt số lượng người nhập cư đến từ Châu Á. Đa số Phật tử Hoa Kỳ là trong những cộng đồng nhập cư châu Á. Phật tử nhập cư đã dạy Phật pháp cho người Mỹ.

Nhóm thứ ba là nhóm *Phật tử người Mỹ gốc châu Á*, chủ yếu là người Hoa và người Nhật, đã theo Phật giáo bốn, năm thế hệ, sinh sống tại Hoa Kỳ (Người Việt hiện nay mới chỉ thế hệ thứ 3). Cộng đồng Phật giáo ở Chùa BCA của người Nhật là tiêu biểu. Họ là cộng đồng Phật giáo lâu đời ở Mỹ, mà

trong bối cảnh Phật giáo Mỹ, người ta không biết xếp họ vào nhóm nào, người châu Á di dân nhập cư hay là người Mỹ cải đạo. Nhưng họ, như đã nói ở trên, là lực lượng Phật giáo chính trước năm 1900 đến 1950.

Thomas Tweed, giáo sư tôn giáo học của Đại học North Carolina cho rằng chúng ta cần tính đến số lượng lớn người Hoa Kỳ thuộc nhóm “Phật tử đầu giường” (Nightstand Buddhists). Họ là những người thích đọc và nghiên cứu về Phật giáo và bị thu hút bởi những gì họ đọc, một số người thậm chí có thể nhận mình là Phật tử. Họ là những người cảm mến Phật giáo và chúng ta có thể gọi việc đọc sách đêm (sách gối đầu giường đọc trước giờ ngủ) của họ là “Phật giáo công cộng” hoặc “Phật giáo truyền thông”. (We might describe their nightstand reading as “public Buddhism” or “media Buddhism.”).

Trong những thập niên cuối của thế kỷ XX, cả Phật tử nhập cư và Phật tử cải đạo ở Hoa Kỳ đã làm nên những cột mốc quan trọng cho Phật giáo, làm cho Phật giáo tỏa sáng và đa dạng hơn. Dĩ nhiên sự tiếp cận với Phật giáo (tôn giáo có nguồn gốc từ châu Á) của họ có khác do mối liên hệ của họ với Phật giáo và do sự khác nhau về vị trí địa lý của Hoa Kỳ. Nhiều người Mỹ cải đạo sang Phật giáo là do họ tự tìm hiểu, khám phá qua sách vở, sau đó họ đi qua các nước Phật giáo châu Á để học hỏi, nghiên cứu. Một số khác thì tìm thầy học đạo ngay trên đất Mỹ, một điều rất khó khăn vào thời điểm đó.

Những năm 1980, Phật tử cải đạo bắt đầu có tiếng nói hơn khi có những người con cháu của họ sinh ra tại Mỹ bắt đầu trở thành những nhà học giả, nghiên cứu, giảng dạy Phật pháp và lãnh đạo cộng đồng. Cũng thời gian này, Phật tử cải đạo bắt đầu có những phương cách tiếp cận và những hình thức đề

đem Phật pháp đến những người Mỹ chính gốc, được sinh ra và nuôi dưỡng trong dòng chảy văn hóa Mỹ.

Thời gian này, Phật tử nhập cư cũng thiết lập những hình thức sinh hoạt Phật giáo mới để thích ứng với xã hội Hoa Kỳ. Cũng như Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo trong một, hai thế kỷ trước, người nhập cư tiếp cận những hình thức phát triển của Phật giáo Hoa Kỳ như là một trải nghiệm của dân nhập cư bên cạnh các vấn đề về kinh tế, văn hóa và ngôn ngữ. Thế hệ những người nhập cư đầu tiên phải vật vả với cơm áo gạo tiền để ổn định cuộc sống mới nơi xứ lạ, lại vừa cố gắng tạo lập truyền thống tôn giáo, văn hóa để truyền đạt, giải thích cho con cháu của họ, những người đang được Mỹ hóa rất nhanh chóng. Rất khó để đánh giá sự đóng góp lâu dài của người nhập cư cho nền Phật giáo Hoa Kỳ vì bản chất của trải nghiệm nhập cư là sự thích nghi xảy ra suốt cả quá trình máy thế hệ.

Số liệu Phật tử Hoa Kỳ

Phật giáo không hề yêu cầu một hình thức cải đạo chính thức nào nên việc thống kê số liệu Phật tử cũng không được rõ ràng.

Có rất ít nguồn thống kê về số lượng Phật tử Hoa Kỳ nhưng cũng đáng để xem xét. Một số liệu thống kê cho rằng số lượng Phật tử khoảng 1 triệu người vào năm 1990, nhưng chỉ vài năm sau đó có nguồn thống kê khác cho rằng số lượng Phật tử Hoa Kỳ vào khoảng 5 hoặc 6 triệu người. Một sự ước tính gần đây có thể coi là sơ sài nhưng cũng đáng để xem xét. Martin Baumann (người Đức) cho rằng có khoảng 3 hoặc 4 triệu Phật tử vào năm 1997, nhưng đa số là những người này từ những nước phương Tây (trong khi đó ở Pháp có khoảng 650,000 Phật tử và ở Anh có khoảng 180,000).

Martin cũng cho rằng số lượng Phật tử cải

đạo ít hơn Phật tử nhập cư. Hoa Kỳ trong năm đó có khoảng 2.2 đến 3.2 triệu Phật tử nhập cư nhưng chỉ có 800,000 Phật tử cải đạo (con số này ở Pháp và ở Anh lần lượt là 500,000 với 150,00 người và 130,000 với 50,000 người). Tuy nhiên, tạp chí Time cho rằng trong năm 1997, Hoa Kỳ chỉ có 100,000 Phật tử cải đạo và không hề ước tính số lượng Phật tử nhập cư.

Năm 2010, Trung tâm nghiên cứu Pew (trụ sở tại Washington DC) xếp Phật giáo là tôn giáo lớn thứ tư tại Hoa Kỳ sau Tin Lành, Công giáo và Do Thái giáo. Pew cho rằng 32% Phật tử Hoa Kỳ là người nhập cư Châu Á và 53% là Phật tử người da trắng (bao gồm Phật tử cải đạo và Phật tử được sinh ra tại Hoa Kỳ) và cũng theo Pew, có khoảng 1.2 % dân số Mỹ là Phật tử. Dĩ nhiên đó là những dữ liệu thống kê cứng nhắc. (Cũng như 16.4% của Việt Nam, không ai nghĩ số lượng Phật tử Việt Nam lại chỉ chiếm 16.4% dân số theo thống kê của Pew, con số nhìn vào thực tế là hơn một nửa dân số Việt Nam là Phật tử).

Theo một khảo sát mới đây thì có 12% người trả lời rằng Phật giáo ảnh hưởng quan trọng đến tôn giáo và tinh thần của họ. Và nếu theo đánh giá này thì số lượng Phật tử Hoa Kỳ phải lên đến 25 triệu người. Nếu cộng số lượng cả ba nhóm (Phật tử, nhóm người nghiên cứu Phật giáo, nhóm người chịu ảnh hưởng của Phật giáo) thì số lượng lên đến 30 triệu.

Tóm lại, không có số liệu thống kê chính thức về số lượng Phật tử ở Hoa Kỳ vì đa số những thống kê là do người Mỹ đa trắng tiến hành và họ không có sự kết nối với người Châu Á nhập cư (chiếm số lượng lớn Phật tử của cộng đồng Phật giáo Hoa Kỳ. Seager trong sách *Buddhism in America* mới tái bản năm 2012 của ông cũng nói rằng không có một số liệu thống kê nào về số lượng Phật tử

ở Hoa Kỳ là đáng tin tưởng hoàn toàn.

Giáo sư Carl Bielefeldt, người nghiên cứu tôn giáo và đồng giám đốc trung tâm nghiên cứu Phật giáo của Đại học Stanford-Hoa Kỳ, cho rằng không ai có thể biết được có bao nhiêu triệu Phật tử ở Hoa Kỳ vì không người nào tìm ra được ai là Phật tử (No one seems to know just how many millions of Buddhists there are in America, in part because no one has figured out who “counts” as a Buddhist).

Thật ra, chúng ta không cần xác định thông tin chính xác về số lượng Phật tử Hoa Kỳ. Một điều quan trọng và hoan hỷ hơn nhiều, đó là trên thực tế có rất nhiều người Mỹ thực tập Phật pháp dưới nhiều hình thức khác nhau. Họ không thuộc thành viên của chùa, hội nào nhưng họ thực tập Phật giáo ở nhà như ngồi thiền, đọc sách, ăn chay. Và dĩ nhiên, họ không nằm trong số liệu được thống kê. Một điều quan trọng khác, đó là sự quan tâm lớn của độc giả Hoa Kỳ làm động lực thúc đẩy Phật giáo trở thành một ngành học thuật nghiên cứu phát triển nhanh ở Hoa Kỳ.

(Còn tiếp theo)



RÁNG MAI RÁNG CHIỀU

Phổ Đồng

*Ta đến từ giấc mộng
Mây buồn bay bơ vơ
Giọt sương cười nắng vỡ*

*Ra đi về chiêm bao.
Ráng mai hồng viễn tượng
Vỡ tràn bờ sương tan
Đầu sào trăm thước tiến
Bước đầu tiên cuối cùng.
Ta quên hết tư duy
Đọng lại giọt sương mờ
Trăng nghiêng thêm nắng đỏ
Chuyện hư thiệt một đời.
Rêu xanh mờ nắng đợi
Chim trời cảm hạt sương
Uống tràn hư không mộng
Xa mãi giòng sông xưa.
Mây trắng dạt phương nào
Giòng sông, sâu biển cả
Trôi thây về xứ lạ
Mưa tràn kiếp phù sinh.
Thấp lên ngọn nến hồng
Xua tan bờ ảo vọng
Bờ trăng chìm đáy mộng
Nắng xé, chiều mông lung.
Nhịp cầu sanh qua tử
Giòng sông nước cuốn trôi
Hai bờ quên nắng vội
Thử chung mát cội nguồn.
Nắng chiều vương nghiêng đỏ
Bên thềm tóc hồng sương
Gió lửa từng sợi nhỏ
Ráng chiều ánh rừng phong.*



Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368